

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Khối khí có đặc điểm rất nóng là

- A. Khối khí ôn đới
B. Khối khí xích đạo.
C. Khối khí chí tuyến.
D. Khối khí cực.

Câu 2. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
C. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
D. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

Câu 3. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Đỉnh của tầng giữa (80 km)
B. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
C. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
D. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)

Câu 4. Mực nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
B. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.
C. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.
D. Lớp phủ thực vật.

Câu 5. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

- A. Khí hậu.
B. Đá mẹ.
C. Địa hình.
D. Sinh vật.

Câu 6. Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển

- A. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.
B. thay đổi tốc độ theo mùa.
C. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
D. thay đổi độ ẩm theo mùa.

Câu 7. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.
B. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
C. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
D. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy.

Câu 8. Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?

- A. Ngay tâm động đất.
B. Ngoài khơi xa.
C. Ven bờ biển.
D. Trên mặt biển.

Câu 9. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây các lục địa?

- A. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.
B. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.
C. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
D. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.

Câu 10. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. đại dương.
B. bán cầu Đông.
C. lục địa.
D. bán cầu Tây.

Câu 11. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

- A. Động đất, núi lửa
B. Gió thổi.
C. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoài khơi, ...
D. Các dòng biển.

Câu 12. Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

- A. Giao thông vận tải biển.
B. Du lịch biển – đảo.
C. Đánh bắt thủy – hải sản.
D. Khai thác khoáng sản biển.

Câu 13. Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là

- A. hồ miệng núi lửa.
B. hồ kiến tạo.
C. hồ móng ngựa.
D. hồ băng hà.

- Câu 14.** Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng
 A. 30 – 40km B. 50 – 100km C. 40 – 50km D. 30 – 35 km
- Câu 15.** Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do
 A. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
 B. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
 C. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
 D. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- Câu 16.** Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?
 A. Dao động nhẹ. B. Dao động lớn nhất.
 C. Dao động trung bình. D. Dao động nhỏ nhất.
- Câu 17.** Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do
 A. thường xuyên bị ngập nước. B. phong hóa diễn ra mạnh.
 C. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế. D. thảm thực vật đa dạng.
- Câu 18.** Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?
 A. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
 B. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
 C. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
 D. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
- Câu 19.** Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?
 A. Đất phù sa ngọt. B. Đất chua phèn
 C. Đất ngập mặn. D. Đất feralit đồi núi
- Câu 20.** Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:
 A. Song song nhau. B. Xen kẽ nhau. C. Đối xứng nhau. D. Thẳng hàng nhau.
- Câu 21.** Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật
 A. địa đới B. địa ô
 C. thống nhất và hoàn chỉnh D. Đai cao
- Câu 22.** Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho
 A. khí hậu không biến đổi. B. đất ít bị xói mòn.
 C. lũ quét được tăng cường. D. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.
- Câu 23.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
 A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
 B. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
 C. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
 D. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
- Câu 24.** Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo
 A. các mùa. B. độ cao. C. vĩ độ. D. kinh độ.
- Câu 25.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?
 A. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực. B. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.
 C. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực. D. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.
- Câu 26.** Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?
 A. Hoa Kỳ. B. Nhật Bản. C. Việt Nam. D. In-đô-nê-xi-a.
- Câu 27.** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?
 A. Thạch quyển. B. Thủy quyển. C. Thổ nhưỡng quyển. D. Sinh quyển.
- Câu 28.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là
 A. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
 B. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
 C. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
 D. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Việc phá rừng đầu nguồn sẽ gây hậu quả gì đối với đời sống và môi trường tự nhiên.

Câu 2.(1 điểm) Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay?

----- **HẾT** -----

-

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. bán cầu Đông. B. lục địa. C. bán cầu Tây. D. đại dương.

Câu 2. Khối khí có đặc điểm rất nóng là

- A. Khối khí cực. B. Khối khí ôn đới.
C. Khối khí xích đạo. D. Khối khí chí tuyến.

Câu 3. Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?

- A. Dao động nhỏ nhất. B. Dao động lớn nhất.
C. Dao động trung bình. D. Dao động nhẹ.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

- A. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi,... B. Các dòng biển.
C. Động đất, núi lửa D. Gió thổi.

Câu 5. Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:

- A. Đối xứng nhau. B. Song song nhau. C. Xen kẽ nhau. D. Thẳng hàng nhau.

Câu 6. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất feralit đồi núi B. Đất chua phèn
C. Đất phù sa ngọt. D. Đất ngập mặn.

Câu 7. Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do

- A. thường xuyên bị ngập nước. B. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.
C. thảm thực vật đa dạng. D. phong hóa diễn ra mạnh.

Câu 8. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
B. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
C. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)
D. Đỉnh của tầng giữa (80 km)

Câu 9. Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

- A. Đánh bắt thủy – hải sản. B. Khai thác khoáng sản biển.
C. Du lịch biển – đảo. D. Giao thông vận tải biển.

Câu 10. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Đập đập ngăn chặn dòng chảy. B. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
C. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. D. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.

Câu 11. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ đông và bờ Tây các lục địa?

- A. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
B. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.
C. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.
D. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.

Câu 12. Mực nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Địa hình và cấu tạo của đất, đá. B. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
C. Lớp phủ thực vật. D. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.

Câu 13. Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
B. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
C. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
D. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.

Câu 14. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 40 – 50km B. 30 – 40km C. 50 – 100km D. 30 – 35 km
- Câu 15.** Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là
 A. hồ kiến tạo. B. hồ móng ngựa. C. hồ băng hà. D. hồ miệng núi lửa.
- Câu 16.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về
 A. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
 B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
 C. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
 D. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
- Câu 17.** Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là
 A. Sinh vật. B. Khí hậu. C. Đá mẹ. D. Địa hình.
- Câu 18.** Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển
 A. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa. B. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
 C. thay đổi tốc độ theo mùa. D. thay đổi độ ẩm theo mùa.
- Câu 19.** Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do
 A. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
 B. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
 C. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
 D. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
- Câu 20.** Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?
 A. Ngoài khơi xa. B. Trên mặt biển.
 C. Ven bờ biển. D. Ngay tâm động đất.
- Câu 21.** Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo
 A. vĩ độ. B. độ cao. C. kinh độ. D. các mùa.
- Câu 22.** Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho
 A. mực nước ngầm ít bị hạ thấp. B. khí hậu không biến đổi.
 C. lũ quét được tăng cường. D. đất ít bị xói mòn.
- Câu 23.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
 A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
 B. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
 C. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
 D. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
- Câu 24.** Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?
 A. In-đô-nê-xi-a. B. Nhật Bản. C. Việt Nam. D. Hoa Kỳ.
- Câu 25.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?
 A. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực. B. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.
 C. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực. D. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.
- Câu 26.** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?
 A. Sinh quyển. B. Thủy quyển.
 C. Thạch quyển. D. Thổ nhưỡng quyển.
- Câu 27.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là
 A. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
 B. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
 C. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
 D. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
- Câu 28.** Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật
 A. địa ô B. thống nhất và hoàn chỉnh
 C. Đại cao D. địa đới

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất.

Câu 2.(1 điểm) Hãy tìm hiểu thông tin để giải thích vì sao miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh.

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây các lục địa?

- A. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
- B. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.
- C. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.
- D. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.

Câu 2. Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
- B. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
- C. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
- D. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.

Câu 3. Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do

- A. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.
- B. phong hóa diễn ra mạnh.
- C. thường xuyên bị ngập nước.
- D. thảm thực vật đa dạng.

Câu 4. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. lục địa.
- B. bán cầu Đông.
- C. bán cầu Tây.
- D. đại dương.

Câu 5. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Đỉnh của tầng giữa (80 km)
- B. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
- C. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
- D. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)

Câu 6. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

- A. Động đất, núi lửa
- B. Gió thổi.
- C. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi, ...
- D. Các dòng biển.

Câu 7. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
- B. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy.
- C. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
- D. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

Câu 8. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất phù sa ngọt.
- B. Đất ngập mặn.
- C. Đất feralit đồi núi
- D. Đất chua phèn

Câu 9. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

- A. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
- B. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
- C. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
- D. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.

Câu 10. Mục nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Lớp phủ thực vật.
- B. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
- C. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.
- D. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.

Câu 11. Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ Đông và bờ Tây đại dương có đặc điểm:

- A. Thẳng hàng nhau.
- B. Đối xứng nhau.
- C. Song song nhau.
- D. Xen kẽ nhau.

Câu 12. Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là

- A. hồ kiến tạo.
- B. hồ miệng núi lửa.
- C. hồ băng hà.
- D. hồ móng ngựa.

Câu 13. Khô khí có đặc điểm rất nóng là

- A. Khô khí ôn đới
- B. Khô khí chí tuyến.

- C. Khói khí xích đạo. D. Khói khí cực.
- Câu 14.** Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?
 A. Dao động nhẹ. B. Dao động nhỏ nhất.
 C. Dao động trung bình. D. Dao động lớn nhất.
- Câu 15.** Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là
 A. Sinh vật. B. Đá mẹ. C. Địa hình. D. Khí hậu.
- Câu 16.** Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển
 A. thay đổi độ ẩm theo mùa. B. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
 C. thay đổi tốc độ theo mùa. D. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.
- Câu 17.** Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?
 A. Ngay tâm động đất. B. Ngoài khơi xa.
 C. Trên mặt biển. D. Ven bờ biển.
- Câu 18.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về
 A. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
 B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
 C. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
 D. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
- Câu 19.** Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?
 A. Đánh bắt thủy - hải sản. B. Giao thông vận tải biển.
 C. Khai thác khoáng sản biển. D. Du lịch biển - đảo.
- Câu 20.** Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng
 A. 30 - 35 km B. 40 - 50km C. 30 - 40km D. 50 - 100km
- Câu 21.** Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật
 A. thống nhất và hoàn chỉnh B. Đai cao
 C. địa đới D. địa ô
- Câu 22.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?
 A. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực. B. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.
 C. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực. D. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.
- Câu 23.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
 A. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
 B. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
 C. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
 D. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
- Câu 24.** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?
 A. Thổ nhưỡng quyển. B. Sinh quyển. C. Thủy quyển. D. Thạch quyển.
- Câu 25.** Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho
 A. đất ít bị xói mòn. B. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.
 C. khí hậu không biến đổi. D. lũ quét được tăng cường.
- Câu 26.** Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?
 A. Hoa Kỳ. B. Nhật Bản. C. In-đô-nê-xi-a. D. Việt Nam.
- Câu 27.** Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo
 A. kinh độ. B. vĩ độ. C. các mùa. D. độ cao.
- Câu 28.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là
 A. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
 B. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
 C. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
 D. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Việc phá rừng đầu nguồn sẽ gây hậu quả gì đối với đời sống và môi trường tự nhiên.

Câu 2.(1 điểm) Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây các lục địa?

- A. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
- B. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.
- C. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.
- D. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

- A. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi, ...
- B. Các dòng biển.
- C. Gió thổi.
- D. Động đất, núi lửa

Câu 3. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 30 – 35 km
- B. 30 – 40km
- C. 50 – 100km
- D. 40 – 50km

Câu 4. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

- A. Khí hậu.
- B. Địa hình.
- C. Đá mẹ.
- D. Sinh vật.

Câu 5. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất phù sa ngọt.
- B. Đất chua phèn
- C. Đất feralit đồi núi
- D. Đất ngập mặn.

Câu 6. Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
- B. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
- C. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
- D. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

Câu 7. Mục nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Lớp phủ thực vật.
- B. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.
- C. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.
- D. Nước từ biển, đại dương thấm vào.

Câu 8. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
- B. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)
- C. Đỉnh của tầng giữa (80 km)
- D. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)

Câu 9. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
- B. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
- C. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy.
- D. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

Câu 10. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

- A. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
- B. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
- C. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- D. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật

Câu 11. Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?

- A. Trên mặt biển.
- B. Ngoài khơi xa.
- C. Ngay tâm động đất.
- D. Ven bờ biển.

Câu 12. Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?

- A. Dao động nhỏ nhất.
- B. Dao động nhẹ.
- C. Dao động trung bình.
- D. Dao động lớn nhất.

Câu 13. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. đại dương. B. bán cầu Tây. C. bán cầu Đông. D. lục địa.
- Câu 14.** Khối khí có đặc điểm rất nóng là
A. Khối khí xích đạo. B. Khối khí ôn đới
C. Khối khí chí tuyến. D. Khối khí cực.
- Câu 15.** Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển
A. thay đổi tốc độ theo mùa.
B. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.
C. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
D. thay đổi độ ẩm theo mùa.
- Câu 16.** Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là
A. hồ băng hà. B. hồ miệng núi lửa. C. hồ kiến tạo. D. hồ móng ngựa.
- Câu 17.** Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:
A. Thăng hàng nhau. B. Xen kẽ nhau. C. Đối xứng nhau. D. Song song nhau.
- Câu 18.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về
A. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
B. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
D. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
- Câu 19.** Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do
A. thảm thực vật đa dạng. B. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.
C. phong hóa diễn ra mạnh. D. thường xuyên bị ngập nước.
- Câu 20.** Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?
A. Đánh bắt thủy – hải sản. B. Du lịch biển – đảo.
C. Giao thông vận tải biển. D. Khai thác khoáng sản biển.
- Câu 21.** Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo
A. các mùa. B. kinh độ. C. vĩ độ. D. độ cao.
- Câu 22.** Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật
A. Đại cao B. địa ô
C. địa đới D. thống nhất và hoàn chỉnh
- Câu 23.** Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho
A. lũ quét được tăng cường. B. khí hậu không biến đổi.
C. mực nước ngầm ít bị hạ thấp. D. đất ít bị xói mòn.
- Câu 24.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là
A. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
B. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
C. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
D. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
- Câu 25.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
A. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
B. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
C. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
D. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
- Câu 26.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?
A. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực. B. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.
C. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực. D. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.
- Câu 27.** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?
A. Sinh quyển. B. Thổ nhưỡng quyển. C. Thạch quyển. D. Thủy quyển.
- Câu 28.** Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?
A. Nhật Bản. B. Việt Nam. C. Hoa Kỳ. D. In-đô-nê-xi-a.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất.

Câu 2.(1 điểm) Hãy tìm hiểu thông tin để giải thích vì sao miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh.

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

- A. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- B. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
- C. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
- D. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.

Câu 2. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
- B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
- C. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
- D. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.

Câu 3. Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?

- A. Dao động nhỏ nhất.
- B. Dao động lớn nhất.
- C. Dao động nhẹ.
- D. Dao động trung bình.

Câu 4. Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do

- A. thường xuyên bị ngập nước.
- B. phong hóa diễn ra mạnh.
- C. thảm thực vật đa dạng.
- D. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.

Câu 5. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây các lục địa?

- A. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.
- B. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.
- C. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
- D. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.

Câu 6. Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là

- A. hồ băng hà.
- B. hồ móng ngựa.
- C. hồ miệng núi lửa.
- D. hồ kiến tạo.

Câu 7. Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển

- A. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.
- B. thay đổi độ ẩm theo mùa.
- C. thay đổi tốc độ theo mùa.
- D. thay đổi nhiệt độ theo mùa.

Câu 8. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. bán cầu Đông.
- B. đại dương.
- C. bán cầu Tây.
- D. lục địa.

Câu 9. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 30 – 35 km
- B. 50 – 100km
- C. 30 – 40km
- D. 40 – 50km

Câu 10. Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?

- A. Trên mặt biển.
- B. Ngoài khơi xa.
- C. Ven bờ biển.
- D. Ngay tâm động đất.

Câu 11. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất ngập mặn.
- B. Đất feralit đồi núi
- C. Đất phù sa ngọt.
- D. Đất chua phèn

Câu 12. Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

- A. Khai thác khoáng sản biển.
- B. Giao thông vận tải biển.
- C. Đánh bắt thủy – hải sản.
- D. Du lịch biển – đảo.

Câu 13. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

- A. Khí hậu.
- B. Địa hình.
- C. Đá mẹ.
- D. Sinh vật.

Câu 14. Khối khí có đặc điểm rất nóng là

- A. Khô khí ôn đới
C. Khô khí xích đạo.
- B. Khô khí chí tuyến.
D. Khô khí cực.
- Câu 15.** Mực nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?
A. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.
B. Lớp phủ thực vật.
C. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
D. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.
- Câu 16.** Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?
A. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
B. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
C. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
D. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
- Câu 17.** Giới hạn phía trên của sinh quyển là
A. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
B. Đỉnh của tầng giữa (80 km)
C. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)
D. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
- Câu 18.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là
A. Gió thổi.
B. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoài khơi, ...
C. Động đất, núi lửa
D. Các dòng biển.
- Câu 19.** Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?
A. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
B. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
C. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.
D. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy.
- Câu 20.** Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:
A. Thăng hàng nhau.
B. Song song nhau.
C. Đối xứng nhau.
D. Xen kẽ nhau.
- Câu 21.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là
A. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
B. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
C. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
D. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
- Câu 22.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
A. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
B. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
C. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
D. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
- Câu 23.** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?
A. Sinh quyển.
B. Thổ nhưỡng quyển.
C. Thủy quyển.
D. Thạch quyển.
- Câu 24.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?
A. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.
B. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực.
C. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.
D. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.
- Câu 25.** Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo
A. độ cao.
B. các mùa.
C. kinh độ.
D. vĩ độ.
- Câu 26.** Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho
A. lũ quét được tăng cường.
B. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.
C. đất ít bị xói mòn.
D. khí hậu không biến đổi.
- Câu 27.** Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?
A. Việt Nam.
B. Nhật Bản.
C. Hoa Kỳ.
D. In-đô-nê-xi-a.
- Câu 28.** Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật
A. Đai cao
B. thống nhất và hoàn chỉnh
C. địa đới
D. địa ô

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Việc phá rừng đầu nguồn sẽ gây hậu quả gì đối với đời sống và môi trường tự nhiên.

Câu 2.(1 điểm) Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. bán cầu Đông. B. bán cầu Tây. C. đại dương. D. lục địa.

Câu 2. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 50 – 100km B. 30 – 35 km C. 40 – 50km D. 30 – 40km

Câu 3. Mực nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Lớp phủ thực vật. B. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.
C. Địa hình và cấu tạo của đất, đá. D. Nước từ biển, đại dương thấm vào.

Câu 4. Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển

- A. thay đổi độ ẩm theo mùa.
B. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
C. thay đổi tốc độ theo mùa.
D. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.

Câu 5. Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?

- A. Trên mặt biển. B. Ven bờ biển.
C. Ngay tâm động đất. D. Ngoài khơi xa.

Câu 6. Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:

- A. Xen kẽ nhau. B. Thẳng hàng nhau. C. Song song nhau. D. Đối xứng nhau.

Câu 7. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn. B. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy.
C. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện. D. Thường xuyên nạo vét lòng sông.

Câu 8. Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?

- A. Dao động trung bình. B. Dao động nhỏ nhất.
C. Dao động nhẹ. D. Dao động lớn nhất.

Câu 9. Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do

- A. thường xuyên bị ngập nước. B. thảm thực vật đa dạng.
C. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế. D. phong hóa diễn ra mạnh.

Câu 10. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất chua phèn B. Đất ngập mặn.
C. Đất phù sa ngọt. D. Đất feralit đồi núi

Câu 11. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ đông và bờ Tây các lục địa?

- A. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
B. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.
C. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.
D. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.

Câu 12. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

- A. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
B. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
C. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
D. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật

Câu 13. Hồ hình thành từ một khúc uốn sông đước gọi là

- A. hồ kiến tạo. B. hồ miệng núi lửa. C. hồ móng ngựa. D. hồ băng hà.

Câu 14. Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

- A. Giao thông vận tải biển. B. Đánh bắt thủy – hải sản.
C. Du lịch biển – đảo. D. Khai thác khoáng sản biển.

Câu 15. Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
- B. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
- C. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
- D. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.

Câu 16. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)
- B. Đỉnh của tầng giữa (80 km)
- C. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
- D. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

- A. Động đất, núi lửa
- B. Gió thổi.
- C. Các dòng biển.
- D. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi, ...

Câu 18. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
- B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
- C. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
- D. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

Câu 19. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

- A. Địa hình.
- B. Đá mẹ.
- C. Sinh vật.
- D. Khí hậu.

Câu 20. Khối khí có đặc điểm rất nóng là

- A. Khối khí chí tuyến.
- B. Khối khí ôn đới
- C. Khối khí cực.
- D. Khối khí xích đạo.

Câu 21. Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?

- A. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực.
- B. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.
- C. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.
- D. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.

Câu 22. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo

- A. độ cao.
- B. các mùa.
- C. vĩ độ.
- D. kinh độ.

Câu 23. Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Việt Nam.
- C. Nhật Bản.
- D. Hoa Kỳ.

Câu 24. Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới
- B. Đai cao
- C. thống nhất và hoàn chỉnh
- D. địa ô

Câu 25. Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do

- A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
- B. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
- C. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
- D. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.

Câu 26. Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho

- A. đất ít bị xói mòn.
- B. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.
- C. khí hậu không biến đổi.
- D. lũ quét được tăng cường.

Câu 27. Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?

- A. Thạch quyển.
- B. Thủy quyển.
- C. Sinh quyển.
- D. Thổ nhưỡng quyển.

Câu 28. Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là

- A. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
 - B. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
 - C. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
 - D. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
-

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất.

Câu 2.(1 điểm) Hãy tìm hiểu thông tin để giải thích vì sao miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh.

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

- Câu 1.** Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng
A. 50 – 100km B. 30 – 35 km C. 40 – 50km D. 30 – 40km
- Câu 2.** Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở
A. đại dương. B. bán cầu Tây. C. bán cầu Đông. D. lục địa.
- Câu 3.** Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là
A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Đá mẹ. D. Sinh vật.
- Câu 4.** Mực nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?
A. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít. B. Lớp phủ thực vật.
C. Nước từ biển, đại dương thấm vào. D. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.
- Câu 5.** Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?
A. Dao động nhỏ nhất. B. Dao động lớn nhất.
C. Dao động nhẹ. D. Dao động trung bình.
- Câu 6.** Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ đông và bờ Tây các lục địa?
A. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.
B. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.
C. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
D. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.
- Câu 7.** Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:
A. Thẳng hàng nhau. B. Đối xứng nhau. C. Xen kẽ nhau. D. Song song nhau.
- Câu 8.** Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do
A. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
B. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
C. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
D. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- Câu 9.** Giới hạn phía trên của sinh quyển là
A. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)
B. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
C. Đỉnh của tầng giữa (80 km)
D. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
- Câu 10.** Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?
A. Ven bờ biển. B. Ngoài khơi xa.
C. Trên mặt biển. D. Ngay tâm động đất.
- Câu 11.** Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?
A. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy. B. Thường xuyên nạo vét lòng sông.
C. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện. D. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.
- Câu 12.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về
A. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
B. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
D. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
- Câu 13.** Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là
A. hồ miệng núi lửa. B. hồ kiến tạo. C. hồ băng hà. D. hồ móng ngựa.
- Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là
A. Các dòng biển.
B. Động đất, núi lửa

- C. Gió thổi.
D. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi, ...
- Câu 15.** Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?
A. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
B. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
C. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
D. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
- Câu 16.** Khối khí có đặc điểm rất nóng là
A. Khối khí ôn đới
B. Khối khí xích đạo.
C. Khối khí chí tuyến.
D. Khối khí cực.
- Câu 17.** Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do
A. thảm thực vật đa dạng.
B. phong hóa diễn ra mạnh.
C. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.
D. thường xuyên bị ngập nước.
- Câu 18.** Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?
A. Giao thông vận tải biển.
B. Khai thác khoáng sản biển.
C. Du lịch biển – đảo.
D. Đánh bắt thủy – hải sản.
- Câu 19.** Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?
A. Đất feralit đồi núi
B. Đất chua phèn
C. Đất phù sa ngọt.
D. Đất ngập mặn.
- Câu 20.** Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển
A. thay đổi tốc độ theo mùa.
B. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
C. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.
D. thay đổi độ ẩm theo mùa.
- Câu 21.** Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là
A. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
B. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
C. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
D. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
- Câu 22.** Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do
A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
B. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
C. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
D. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.
- Câu 23.** Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật
A. thống nhất và hoàn chỉnh
B. địa đới
C. địa ô
D. Đai cao
- Câu 24.** Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?
A. Việt Nam.
B. Hoa Kì.
C. Nhật Bản.
D. In-đô-nê-xi-a.
- Câu 25.** Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho
A. khí hậu không biến đổi.
B. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.
C. đất ít bị xói mòn.
D. lũ quét được tăng cường.
- Câu 26.** Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?
A. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.
B. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực.
C. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.
D. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.
- Câu 27.** Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo
A. độ cao.
B. các mùa.
C. vĩ độ.
D. kinh độ.
- Câu 28.** Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?
A. Sinh quyển.
B. Thủy quyển.
C. Thạch quyển.
D. Thổ nhưỡng quyển.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Việc phá rừng đầu nguồn sẽ gây hậu quả gì đối với đời sống và môi trường tự nhiên.

Câu 2.(1 điểm) Tại sao bảo vệ nguồn nước ngọt là yêu cầu cấp bách của tất cả các quốc gia trên thế giới hiện nay?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Lớp:

SBD.....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1. Thực vật có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu do

- A. Thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật
- B. Sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- C. Sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.
- D. Thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.

Câu 2. Các dòng biển nóng và dòng biển lạnh ở bờ đông và bờ tây đại dương có đặc điểm:

- A. Xen kẽ nhau.
- B. Song song nhau.
- C. Thăng hàng nhau.
- D. Đối xứng nhau.

Câu 3. Khối khí có đặc điểm rất nóng là

- A. Khối khí xích đạo.
- B. Khối khí cực.
- C. Khối khí ôn đới
- D. Khối khí chí tuyến.

Câu 4. Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Đỉnh của tầng đối lưu (ở xích đạo là 16 km, ở cực khoảng 8 km)
- B. Đỉnh của tầng bình lưu (50 km)
- C. Nơi tiếp giáp lớp ôzôn của khí quyển (22km)
- D. Đỉnh của tầng giữa (80 km)

Câu 5. Tại sao nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ đông và bờ Tây các lục địa?

- A. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.
- B. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.
- C. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.
- D. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của Tia bức xạ mặt trời khác nhau.

Câu 6. Sóng thần tàn phá nặng nề nhất ở khu vực nào?

- A. Ven bờ biển.
- B. Ngoài khơi xa.
- C. Ngay tâm động đất.
- D. Trên mặt biển.

Câu 7. Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bản chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào ?

- A. Đất ngập mặn.
- B. Đất feralit đồi núi
- C. Đất chua phèn
- D. Đất phù sa ngọt.

Câu 8. Vào ngày không trăng ta sẽ thấy hiện tượng thủy triều như thế nào?

- A. Dao động lớn nhất.
- B. Dao động nhẹ.
- C. Dao động trung bình.
- D. Dao động nhỏ nhất.

Câu 9. Việc trồng rừng phòng hộ ở vùng đầu nguồn sông **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
- B. Giúp điều hoà dòng chảy cho sông ngòi.
- C. Làm giảm sự xâm thực ở miền núi.
- D. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

Câu 10. Mực nước ngầm trên lục địa **không** phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Nước từ biển, đại dương thấm vào.
- B. Nguồn cung cấp nước nhiều hay ít.
- C. Địa hình và cấu tạo của đất, đá.
- D. Lớp phủ thực vật.

Câu 11. Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do

- A. phong hóa diễn ra mạnh.
- B. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.
- C. thường xuyên bị ngập nước.
- D. thảm thực vật đa dạng.

Câu 12. Nơi gặp nhau của các dòng biển nóng, lạnh có hoạt động kinh tế - xã hội nào dưới đây phát triển mạnh nhất?

- A. Đánh bắt thủy – hải sản.
- B. Khai thác khoáng sản biển.
- C. Giao thông vận tải biển.
- D. Du lịch biển – đảo.

Câu 13. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 40 – 50km B. 30 – 35 km C. 30 – 40km D. 50 – 100km

Câu 14. Ở vùng gió mùa thường xuất hiện các dòng biển

- A. thay đổi nhiệt độ theo mùa.
B. thay đổi độ ẩm theo mùa.
C. thay đổi tốc độ theo mùa.
D. thay đổi tính chất và đổi chiều theo mùa.

Câu 15. Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

- A. đại dương. B. bán cầu Đông. C. bán cầu Tây. D. lục địa.

Câu 16. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sóng biển là

- A. Các dòng biển.
B. Động đất, núi lửa
C. Hoạt động của tàu bè, khai thác dầu ngoai khơi, ...
D. Gió thổi.

Câu 17. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.
B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
C. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
D. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.

Câu 18. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là?

- A. Thường xuyên nạo vét lòng sông. B. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.
C. Đắp đập ngăn chặn dòng chảy. D. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

Câu 19. Hồ hình thành từ một khúc uốn sông được gọi là

- A. hồ móng ngựa. B. hồ miệng núi lửa. C. hồ băng hà. D. hồ kiến tạo.

Câu 20. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là

- A. Địa hình. B. Sinh vật. C. Khí hậu. D. Đá mẹ.

Câu 21. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo

- A. kinh độ. B. độ cao. C. vĩ độ. D. các mùa.

Câu 22. Quy luật địa ô thể hiện rõ nhất ở quốc gia nào sau đây?

- A. In-đô-nê-xi-a. B. Hoa Kì. C. Nhật Bản. D. Việt Nam.

Câu 23. Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là

- A. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.
B. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
C. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
D. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.

Câu 24. Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho

- A. đất ít bị xói mòn. B. khí hậu không biến đổi.
C. lũ quét được tăng cường. D. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.

Câu 25. Vỏ địa lí có giới hạn trùng hợp hoàn toàn với lớp vỏ bộ phận nào sau đây?

- A. Thủy quyển. B. Thổ nhưỡng quyển. C. Sinh quyển. D. Thạch quyển.

Câu 26. Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực theo thứ tự nào sau đây?

- A. Cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực. B. Nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.
C. Nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực. D. Xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.

Câu 27. Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới B. thống nhất và hoàn chỉnh
C. địa ô D. Đai cao

Câu 28. Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do

- A. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
B. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
C. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
D. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1.(2 điểm) Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất.

Câu 2.(1 điểm) Hãy tìm hiểu thông tin để giải thích vì sao miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh.

----- **HẾT** -----

ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 10

(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phần TNKQ: 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.

2. Phần tự luận: GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Mã đề 101

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	C	B	A	B	A	A	C	A	C	B	C	C	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	B	C	B	C	C	C	C	D	C	B	A	D	B

Mã đề 102

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	D	B	D	A	D	B	A	A	C	D	B	B	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	C	C	A	D	C	A	C	B	D	A	A	C	B

Mã đề 103

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	A	A	A	B	B	D	B	C	B	B	D	B	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	D	D	A	A	A	A	D	B	B	D	A	B	A

Mã đề 104

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	C	A	C	D	D	D	D	D	D	D	D	D	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	D	C	B	B	A	C	D	A	D	D	D	A	C

* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Mã đề 101,103,105,107

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	Việc phá rừng đầu nguồn sẽ gây hậu quả gì đối với đời sống và môi trường tự nhiên:	
	- Gây lũ lụt, đặc biệt là rừng đầu nguồn vì rừng có thể điều tiết nước rất tốt.	0,5
	- Sạt lở, xói mòn đất vì rừng giúp giữ đất.	0,5
	- Làm mất nơi sinh sống của các loài động vật, gây tuyệt chủng. Gián tiếp phá hoại đời sống con người ...	0,5
	- Gián tiếp gây hiệu ứng nhà kính....	0,5
Câu 2 (1,0 điểm)	- Nguồn nước ngọt là một trong những nhu cầu thiết yếu nhất trong đời sống con người. Nó có vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần duy trì và phát triển an sinh xã hội.	1,0

----- HẾT -----

ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 10

(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phần TNKQ: 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.

2. Phần tự luận: GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Mã đề 105

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	C	C	B	D	B	B	A	D	A	C	A	C	C	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	B	A	A	C	C	B	D	A	D	D	A	C	B

Mã đề 106

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	D	B	D	D	B	D	A	D	C	B	D	D	C	B
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	B	C	B	C	B	A	D	C	D	C	D	D	C	A

Mã đề 107

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	B	D	C	C	B	B	B	B	D	A	D	B	D	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	C	C	C	D	D	C	D	B	A	B	D	C	C	A

Mã đề 108

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	D	D	C	A	A	A	A	D	A	B	A	B	D
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Đáp án	D	D	C	D	A	D	C	B	C	C	C	D	B	C

* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Mã đề: 102,104,106,108

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất. - Khí quyển: nhiệt độ Trái Đất tăng lên. - Thủy quyển: Băng tan ở 2 cực, nước biển dâng. - Sinh quyển: Một số loài có nguy cơ tuyệt chủng. ảnh hưởng đến môi trường sống của con người....	0,5 0,5 1,0
Câu 2 (1,0 điểm)	- Miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh vì chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi khối khí lạnh Xibia vào mùa Đông.	1,0

----- **HẾT** -----

Mã đề 111

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.
- B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
- C. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.
- D. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

Câu 2. Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.
- B. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.
- C. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
- D. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

GIA TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Tỉ đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 25,0%.
- B. 17,0%.
- C. 50,7.
- D. 31,0%.

Câu 4. Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho

- A. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.
- B. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- C. trồng cây lương thực ôn đới.
- D. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO
KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015 (Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Cột.
- D. Kết hợp.

Câu 6. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2008.
- B. 2006.
- C. 2005.
- D. 2007

Câu 7. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. sóng thần.
- B. bão.
- C. núi lửa.
- D. động đất.

Câu 8. Các nước phát triển thường có

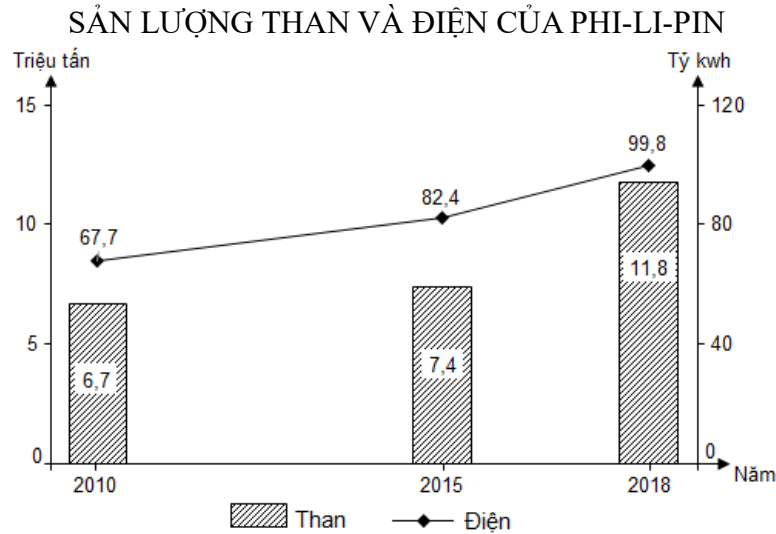
- A. chỉ số HDI cao.
- B. tỉ lệ sinh cao.
- C. tỉ lệ dân thành thị thấp.
- D. GNI/người thấp.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?

- A. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.

- B. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.
- C. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.
- D. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.

Câu 10. Cho biểu đồ:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Cả than và điện đều tăng.
- B. Sản lượng than giảm nhanh.
- C. Sản lượng điện giảm nhanh.
- D. Cả than và điện đều giảm.

Câu 11. Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

- A. Tòa án Châu Âu.
- B. Cơ quan kiểm toán
- C. Nghị viện Châu Âu.
- D. Hội đồng Châu Âu.

Câu 12. EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?

- A. Tăng cường liên kết với nước ngoài.
- B. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.
- C. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.
- D. Thiết lập một thị trường chung.

Câu 13. Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?

- A. Cơ khí.
- B. Hóa chất.
- C. Dệt - may.
- D. Khai khoáng.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a.
- C. Mi-an-ma.
- D. Thái Lan.

Câu 15. Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- A. ngô.
- B. lúa gạo.
- C. lúa mì.
- D. lúa mạch.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.
- B. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.
- C. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.
- D. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.

Câu 17. Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

- A. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội.
- B. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
- C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.
- D. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

- Câu 18.** Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là
 A. 26. B. 28. C. 27. D. 25.
- Câu 19.** Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?
 A. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.
 B. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.
 C. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.
 D. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.
- Câu 20.** Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về
 A. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
 B. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.
 C. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.
 D. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.
- Câu 21.** Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với
 A. Hoa Kỳ. B. quần đảo Ăng-ti lớn.
 C. Ca-na-đa. D. quần đảo Ăng-ti nhỏ.
- Câu 22.** Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do
 A. thông tin liên lạc. B. cư trú.
 C. chọn nơi làm việc. D. đi lại.
- Câu 23.** Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là
 A. Bảng. B. Rúp. C. Ô-rô. D. Đôla.
- Câu 24.** Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?
 A. 1957. B. 1981. C. 1967. D. 1993.
- Câu 25.** Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?
 A. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
 B. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.
 C. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.
 D. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Câu 26.** Khu vực Đông Nam Á có
 A. dân số đông. B. ít dân tộc.
 C. cơ cấu dân số già. D. mật độ dân số thấp.
- Câu 27.** Khu vực Đông Nam Á nằm ở
 A. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. B. phía bắc nước Nhật Bản.
 C. phía đông nam châu Á. D. giáp với Đại Tây Dương.
- Câu 28.** Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là
 A. phát triển lâm nghiệp. B. phát triển thủy điện.
 C. phát triển kinh tế biển. D. phát triển chăn nuôi.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
 (Đơn vị: Tỉ đô la Mỹ)

Quốc gia	2010	2020
Xuất khẩu	1 244,9	1 676,3
Nhập khẩu	1 114,4	1 526,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

Câu 2:(1,0 điểm) Tại sao sự ra đời của đồng tiền chung Ô-rô là bước tiến mới của sự liên kết EU?

-----HẾT-----

Mã đề 112

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

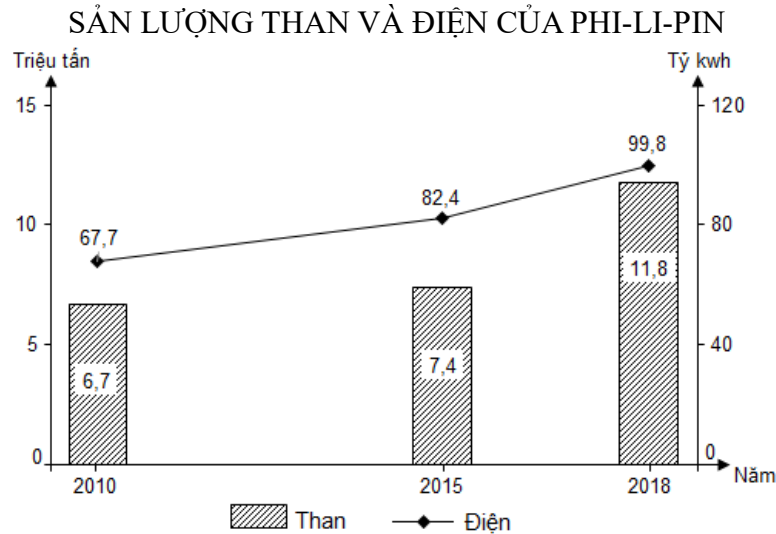
ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

- Câu 1.** Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là
A. Cơ quan kiểm toán
B. Nghị viện Châu Âu.
C. Hội đồng Châu Âu.
D. Tòa án Châu Âu.
- Câu 2.** Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do
A. chọn nơi làm việc.
B. đi lại.
C. thông tin liên lạc.
D. cư trú.
- Câu 3.** Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là
A. 26.
B. 25.
C. 27.
D. 28.
- Câu 4.** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có
A. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
B. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.
C. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.
D. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.
- Câu 5.** Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?
A. 1981.
B. 1993.
C. 1967.
D. 1957.
- Câu 6.** EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?
A. Tăng cường liên kết với nước ngoài.
B. Thiết lập một thị trường chung.
C. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.
D. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.
- Câu 7.** Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho
A. trồng cây lương thực ôn đới.
B. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.
C. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản.
D. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- Câu 8.** Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?
A. Dệt -may.
B. Hóa chất.
C. Khai khoáng.
D. Cơ khí.
- Câu 9.** Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với
A. Ca-na-đa.
B. quần đảo Ăng-ti lớn.
C. Hoa Kỳ.
D. quần đảo Ăng-ti nhỏ.
- Câu 10.** Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.
A. ngô.
B. lúa mì.
C. lúa mạch.
D. lúa gạo.
- Câu 11.** Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có
A. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
B. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội.
C. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
D. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.
- Câu 12.** Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?
A. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.
B. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
C. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
D. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.
- Câu 13.** Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?
A. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.

- B. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.
- C. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.
- D. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.

Câu 14. Cho biểu đồ:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Sản lượng than giảm nhanh.
- B. Cả than và điện đều giảm.
- C. Cả than và điện đều tăng.
- D. Sản lượng điện giảm nhanh.

Câu 15. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía bắc nước Nhật Bản.
- B. phía đông nam châu Á.
- C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.
- D. giáp với Đại Tây Dương.

Câu 16. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. núi lửa.
- B. bão.
- C. động đất.
- D. sóng thần.

Câu 17. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển kinh tế biển.
- B. phát triển thủy điện.
- C. phát triển chăn nuôi.
- D. phát triển lâm nghiệp.

Câu 18. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015
(Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Tròn.
- C. Cột.
- D. Miền.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.
- B. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.
- C. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.
- D. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.

Câu 20. Các nước phát triển thường có

- A. tỉ lệ dân thành thị thấp.
- B. tỉ lệ sinh cao.
- C. GNI/người thấp.
- D. chỉ số HDI cao.

Câu 21. Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là

- A. Bảng.
- B. Rúp.
- C. Đôla.
- D. Ô-rô.

Câu 22. Khu vực Đông Nam Á có

- A. ít dân tộc.
- B. mật độ dân số thấp.
- C. dân số đông.
- D. cơ cấu dân số già.

Câu 23. Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.
- B. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
- C. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.
- D. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Câu 24. Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?

- A. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.
- B. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.
- C. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.
- D. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.

Câu 25. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2008.
- B. 2005.
- C. 2006.
- D. 2007

Câu 26. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Tỉ đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 25,0%.
- B. 31,0%.
- C. 50,7.
- D. 17,0%.

Câu 27. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

- A. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
- B. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.
- C. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.
- D. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.

Câu 28. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a.
- C. Thái Lan.
- D. Mi-an-ma.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU
(Đơn vị: Tỉ USD)

Quốc gia	2010	2021
Xuất khẩu	5865	8670,6
Nhập khẩu	5633	8016,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

Câu 2: (1,0 điểm) Vì sao khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh ngành thủy sản?

-----HẾT-----

Mã đề 113

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?

- A. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.
- B. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.
- C. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.
- D. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.

Câu 2. Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là

- A. 27.
- B. 28.
- C. 25.
- D. 26.

Câu 3. Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với

- A. quần đảo Ăng-ti lớn.
- B. Hoa Kỳ.
- C. Ca-na-đa.
- D. quần đảo Ăng-ti nhỏ.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Ti đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 31,0%.
- B. 25,0%.
- C. 17,0%.
- D. 50,7.

Câu 5. Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.
- B. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
- C. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
- D. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.

Câu 6. Khu vực Đông Nam Á có

- A. ít dân tộc.
- B. dân số đông.
- C. mật độ dân số thấp.
- D. cơ cấu dân số già.

Câu 7. Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là

- A. Bảng.
- B. Đôla.
- C. Rúp.
- D. Ô-rô.

Câu 8. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
- B. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.
- C. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.
- D. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

Câu 9. Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1993.
- B. 1981.
- C. 1957.
- D. 1967.

Câu 10. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

- A. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.
- B. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.
- C. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
- D. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.

Câu 11. EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?

- A. Tăng cường liên kết với nước ngoài.
- B. Thiết lập một thị trường chung.
- C. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.
- D. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.

Câu 12. Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

- A. Tòa án Châu Âu.
- B. Hội đồng Châu Âu.
- C. Nghị viện Châu Âu.
- D. Cơ quan kiểm toán

Câu 13. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.
- B. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.
- C. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.
- D. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.

Câu 14. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển thủy điện.
- B. phát triển chăn nuôi.
- C. phát triển kinh tế biển.
- D. phát triển lâm nghiệp.

Câu 15. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía bắc nước Nhật Bản.
- B. giáp với Đại Tây Dương.
- C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.
- D. phía đông nam châu Á.

Câu 16. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. Ma-lai-xi-a.
- B. Thái Lan.
- C. Mi-an-ma.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 17. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015 (Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

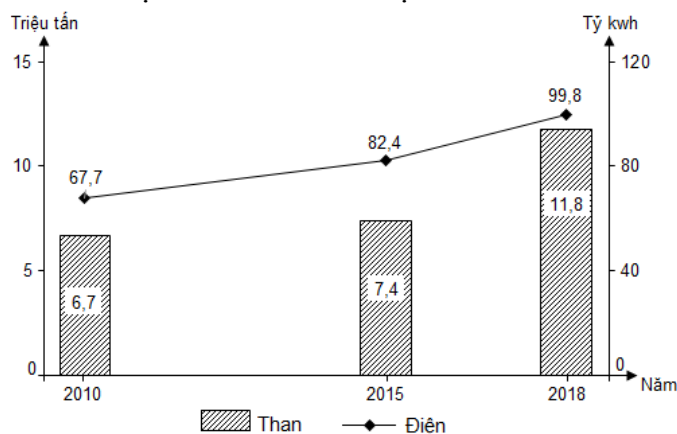
- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Cột.

Câu 18. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. bão.
- B. núi lửa.
- C. sóng thần.
- D. động đất.

Câu 19. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LI-PIN



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Sản lượng than giảm nhanh.
- B. Cả than và điện đều tăng.
- C. Sản lượng điện giảm nhanh.
- D. Cả than và điện đều giảm.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.

- B. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
 C. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.
 D. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Câu 21.** Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có
 A. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
 B. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
 C. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội.
 D. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.
- Câu 22.** Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.
 A. lúa mạch. B. lúa mì. C. lúa gạo. D. ngô.
- Câu 23.** Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do
 A. thông tin liên lạc. B. đi lại.
 C. cư trú. D. chọn nơi làm việc.
- Câu 24.** Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?
 A. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.
 B. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.
 C. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.
 D. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.
- Câu 25.** Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho
 A. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản. B. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.
 C. trồng cây lương thực ôn đới. D. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- Câu 26.** Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?
 A. Dệt -may. B. Khai khoáng. C. Cơ khí. D. Hóa chất.
- Câu 27.** Các nước phát triển thường có
 A. tỉ lệ dân thành thị thấp. B. GNI/người thấp.
 C. chỉ số HDI cao. D. tỉ lệ sinh cao.
- Câu 28.** Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?
 A. 2006. B. 2005. C. 2008. D. 2007

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
 (Đơn vị: Tỉ đô la Mỹ)

Quốc gia	2010	2020
Xuất khẩu	1 244,9	1 676,3
Nhập khẩu	1 114,4	1 526,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.
 b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

Câu 2:(1,0 điểm) Tại sao sự ra đời của đồng tiền chung Ô-rô là bước tiến mới của sự liên kết EU?

-----HẾT-----

Mã đề 114

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho

- A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. B. trồng cây lương thực ôn đới.
C. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản. D. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.

Câu 2. Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?

- A. Cơ khí. B. Hóa chất. C. Dệt -may. D. Khai khoáng.

Câu 3. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

- A. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.
B. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.
C. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
D. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?

- A. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.
B. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.
C. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.
D. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.

Câu 5. Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

- A. Hội đồng Châu Âu. B. Cơ quan kiểm toán
C. Nghị viện Châu Âu. D. Tòa án Châu Âu.

Câu 6. Cho bảng số liệu sau:

GIA TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Ti đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 17,0%. B. 31,0%. C. 25,0%. D. 50,7.

Câu 7. Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là

- A. Bảng. B. Đôla. C. Ô-rô. D. Rúp.

Câu 8. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động. B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
C. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn. D. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

Câu 9. Các nước phát triển thường có

- A. tỉ lệ sinh cao. B. chỉ số HDI cao.
C. tỉ lệ dân thành thị thấp. D. GNI/người thấp.

Câu 10. Khu vực Đông Nam Á có

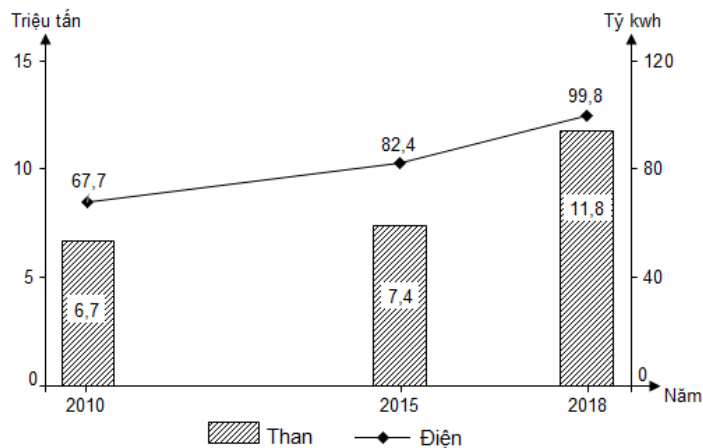
- A. cơ cấu dân số già. B. mật độ dân số thấp.
C. dân số đông. D. ít dân tộc.

Câu 11. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2005. B. 2008. C. 2006. D. 2007

Câu 12. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LI-PIN



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Sản lượng điện giảm nhanh.
 - B. Sản lượng than giảm nhanh.
 - C. Cả than và điện đều tăng.
 - D. Cả than và điện đều giảm.
- Câu 13.** Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có
- A. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
 - B. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
 - C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.
 - D. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội.
- Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
- B. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.
- C. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.
- D. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015 (Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
 - B. Cột.
 - C. Tròn.
 - D. Kết hợp.
- Câu 16.** Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?
- A. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.
 - B. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.
 - C. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.
 - D. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.
- Câu 17.** Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?
- A. 1993.
 - B. 1957.
 - C. 1967.
 - D. 1981.
- Câu 18.** Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với
- A. quần đảo Ăng-ti nhỏ.
 - B. quần đảo Ăng-ti lớn.
 - C. Ca-na-đa.
 - D. Hoa Kỳ.
- Câu 19.** Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do
- A. thông tin liên lạc.
 - B. đi lại.
 - C. chọn nơi làm việc.
 - D. cư trú.
- Câu 20.** Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là
- A. phát triển kinh tế biển.
 - B. phát triển thủy điện.
 - C. phát triển lâm nghiệp.
 - D. phát triển chăn nuôi.
- Câu 21.** Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía bắc nước Nhật Bản.
C. giáp với Đại Tây Dương.

- B. phía đông nam châu Á.
D. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.

Câu 22. Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là

- A. 25. B. 26. C. 27. D. 28.

Câu 23. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. Mi-an-ma. B. In-đô-nê-xi-a. C. Thái Lan. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 24. Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- A. ngô. B. lúa gạo. C. lúa mạch. D. lúa mì.

Câu 25. EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?

- A. Thiết lập một thị trường chung. B. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.
C. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản. D. Tăng cường liên kết với nước ngoài.

Câu 26. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. núi lửa. B. bão. C. sóng thần. D. động đất.

Câu 27. Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.
B. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
C. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
D. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.

Câu 28. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.
B. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.
C. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.
D. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU

(Đơn vị: Tỉ USD)

Quốc gia	2010	2021
Xuất khẩu	5865	8670,6
Nhập khẩu	5633	8016,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

Câu 2: (1,0 điểm) Vì sao khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh ngành thủy sản?

-----HẾT-----

Mã đề 115

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

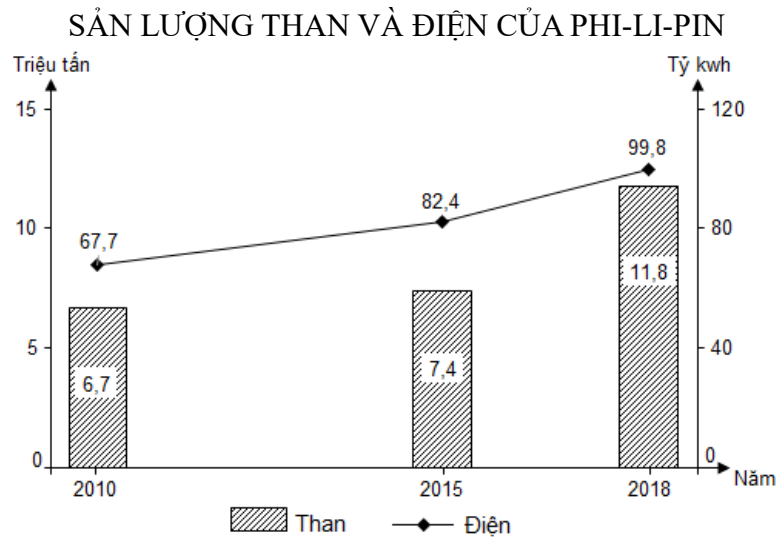
ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.
- B. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.
- C. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.
- D. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.

Câu 2. Cho biểu đồ:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Sản lượng điện giảm nhanh.
 - B. Cả than và điện đều tăng.
 - C. Sản lượng than giảm nhanh.
 - D. Cả than và điện đều giảm.
- Câu 3.** Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?
- A. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.
 - B. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.
 - C. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.
 - D. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.
- Câu 4.** Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do
- A. thông tin liên lạc.
 - B. đi lại.
 - C. cư trú.
 - D. chọn nơi làm việc.
- Câu 5.** Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho
- A. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.
 - B. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản.
 - C. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
 - D. trồng cây lương thực ôn đới.
- Câu 6.** Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là
- A. Rúp.
 - B. Bảng.
 - C. Ô-rô.
 - D. Đôla.
- Câu 7.** Khu vực Đông Nam Á nằm ở
- A. giáp với Đại Tây Dương.
 - B. phía đông nam châu Á.
 - C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.
 - D. phía bắc nước Nhật Bản.
- Câu 8.** Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?
- A. Hóa chất.
 - B. Cơ khí.
 - C. Khai khoáng.
 - D. Dệt -may.

Câu 9. Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với

- A. Ca-na-đa.
C. Hoa Kỳ.

- B. quần đảo Ăng-ti nhỏ.
D. quần đảo Ăng-ti lớn.

Câu 10. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Tỉ đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 31,0%. B. 17,0%. C. 50,7%. D. 25,0%.

Câu 11. Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- A. lúa gạo. B. ngô. C. lúa mì. D. lúa mạch.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
B. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.
C. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.
D. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.

Câu 13. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2008. B. 2006. C. 2005. D. 2007

Câu 14. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.
B. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.
C. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.
D. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

Câu 15. Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

- A. Hội đồng Châu Âu. B. Nghị viện Châu Âu.
C. Tòa án Châu Âu. D. Cơ quan kiểm toán

Câu 16. Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?

- A. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.
B. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.
C. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.
D. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.

Câu 17. Khu vực Đông Nam Á có

- A. dân số đông. B. ít dân tộc.
C. cơ cấu dân số già. D. mật độ dân số thấp.

Câu 18. Các nước phát triển thường có

- A. GNI/người thấp. B. tỉ lệ sinh cao.
C. tỉ lệ dân thành thị thấp. D. chỉ số HDI cao.

Câu 19. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

- A. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.
B. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
C. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.
D. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.

Câu 20. Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là

- A. 25. B. 28. C. 26. D. 27.

Câu 21. EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?

- A. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản. B. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.
C. Thiết lập một thị trường chung. D. Tăng cường liên kết với nước ngoài.

Câu 22. Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1993. B. 1981. C. 1967. D. 1957.

Câu 23. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. động đất. B. bão. C. sóng thần. D. núi lửa.

Câu 24. Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
- B. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.
- C. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.
- D. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 25. Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

- A. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
- B. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội.
- C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.
- D. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.

Câu 26. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. Thái Lan.
- B. Mi-an-ma.
- C. In-đô-nê-xi-a.
- D. Ma-lai-xi-a.

Câu 27. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015
(Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Kết hợp.

Câu 28. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển chăn nuôi.
- B. phát triển lâm nghiệp.
- C. phát triển kinh tế biển.
- D. phát triển thủy điện.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
(Đơn vị: Tỉ đô la Mỹ)

Quốc gia	2010	2020
Xuất khẩu	1 244,9	1 676,3
Nhập khẩu	1 114,4	1 526,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

Câu 2:(1,0 điểm) Tại sao sự ra đời của đồng tiền chung Ô-rô là bước tiến mới của sự liên kết EU?

-----HẾT-----

Câu 12. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

- A. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục. B. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
C. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ. D. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.

Câu 13. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Tỉ đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 31,0%. B. 50,7%. C. 25,0%. D. 17,0%.

Câu 14. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
B. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.
C. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.
D. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015
(Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

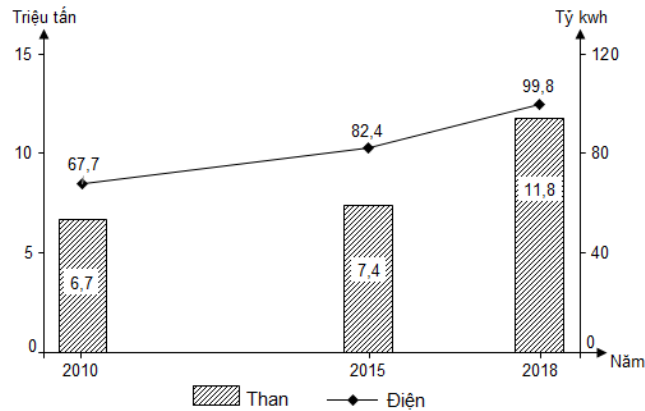
(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 16. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LI-PIN



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Cả than và điện đều tăng. B. Cả than và điện đều giảm.
C. Sản lượng điện giảm nhanh. D. Sản lượng than giảm nhanh.

Câu 17. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển chăn nuôi. B. phát triển lâm nghiệp.
C. phát triển thủy điện. D. phát triển kinh tế biển.

Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?

- A. Dệt - may. B. Khai khoáng. C. Hóa chất. D. Cơ khí.

Câu 19. Khu vực Đông Nam Á có

- A. ít dân tộc. B. mật độ dân số thấp.
C. dân số đông. D. cơ cấu dân số già.

Câu 20. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2007 B. 2008. C. 2005. D. 2006.

Câu 21. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. Ma-lai-xi-a. B. In-đô-nê-xi-a. C. Mi-an-ma. D. Thái Lan.

Câu 22. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. B. phía đông nam châu Á.
C. giáp với Đại Tây Dương. D. phía bắc nước Nhật Bản.

Câu 23. Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- A. lúa gạo. B. lúa mì. C. ngô. D. lúa mạch.

Câu 24. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. động đất. B. núi lửa. C. bão. D. sóng thần.

Câu 25. Các nước phát triển thường có

- A. tỉ lệ sinh cao. B. tỉ lệ dân thành thị thấp.
C. GNI/người thấp. D. chỉ số HDI cao.

Câu 26. Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là

- A. Đô-la. B. Bảng. C. Ô-rô. D. Rúp.

Câu 27. Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với

- A. Hoa Kỳ. B. quần đảo Ăng-ti lớn.
C. quần đảo Ăng-ti nhỏ. D. Ca-na-đa.

Câu 28. Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do

- A. cư trú. B. thông tin liên lạc.
C. đi lại. D. chọn nơi làm việc.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIA TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU
(Đơn vị: Tỉ USD)

Quốc gia	2010	2021
Xuất khẩu	5865	8670,6
Nhập khẩu	5633	8016,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

Câu 2: (1,0 điểm) Vì sao khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh ngành thủy sản?

----HẾT----

Mã đề 117

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

- A. Tòa án Châu Âu. B. Nghị viện Châu Âu.
C. Hội đồng Châu Âu. D. Cơ quan kiểm toán

Câu 2. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.
B. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.
C. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.
D. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

GIA TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Tỉ đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

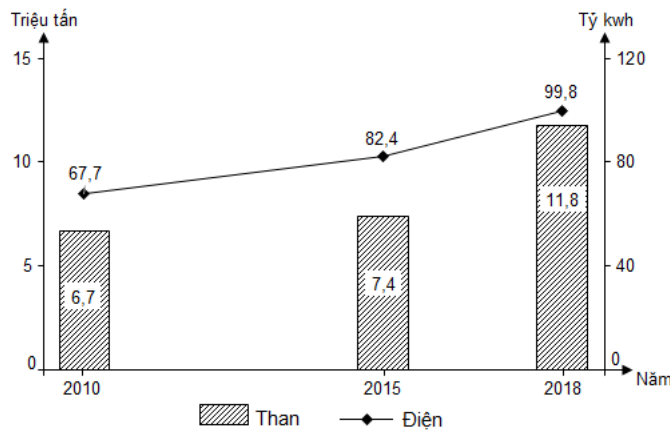
- A. 17,0%. B. 31,0%. C. 50,7%. D. 25,0%.

Câu 4. Khu vực Đông Nam Á có

- A. ít dân tộc. B. dân số đông.
C. cơ cấu dân số già. D. mật độ dân số thấp.

Câu 5. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LI-PIN



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Cả than và điện đều tăng. B. Sản lượng than giảm nhanh.
C. Sản lượng điện giảm nhanh. D. Cả than và điện đều giảm.

Câu 6. Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

- A. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội. B. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
C. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều. D. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.

Câu 7. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. B. phía đông nam châu Á.
C. phía bắc nước Nhật Bản. D. giáp với Đại Tây Dương.

Câu 8. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn. B. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

C. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam. D. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.

Câu 9. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây? A. 2008. B. 2007. C. 2006. D. 2005.

Câu 10. Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

A. ngô. B. lúa mạch. C. lúa gạo. D. lúa mì.

Câu 11. Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do

A. cư trú. B. đi lại. C. chọn nơi làm việc. D. thông tin liên lạc.

Câu 12. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

A. động đất. B. sóng thần. C. bão. D. núi lửa.

Câu 13. Các nước phát triển thường có

A. chỉ số HDI cao. B. tỉ lệ dân thành thị thấp. C. GNI/người thấp. D. tỉ lệ sinh cao.

Câu 14. Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

A. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.
B. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
C. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
D. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.

Câu 15. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

A. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.
B. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
C. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.
D. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.

Câu 16. Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

A. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.
B. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.
C. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
D. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?

A. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.
B. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.
C. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.
D. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.

Câu 18. Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?

A. 1981. B. 1967. C. 1957. D. 1993.

Câu 19. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015 (Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Tròn. B. Kết hợp. C. Cột. D. Miền.

Câu 20. Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?

A. Khai khoáng. B. Cơ khí. C. Dệt - may. D. Hóa chất.

Câu 21. Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là

A. 27. B. 26. C. 25. D. 28.

Câu 22. Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với

A. Ca-na-đa. B. quần đảo Ăng-ti nhỏ.

C. Hoa Kỳ.

D. quần đảo Ăng-ti lớn.

Câu 23. Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho

A. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.

B. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản.

C. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

D. trồng cây lương thực ôn đới.

Câu 24. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

A. phát triển kinh tế biển.

B. phát triển thủy điện.

C. phát triển lâm nghiệp.

D. phát triển chăn nuôi.

Câu 25. Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?

A. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.

B. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.

C. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.

D. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.

Câu 26. Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là

A. Bảng.

B. Đôla.

C. Rúp.

D. Ô-rô.

Câu 27. EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?

A. Tăng cường liên kết với nước ngoài.

B. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.

C. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.

D. Thiết lập một thị trường chung.

Câu 28. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (‰)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (‰)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

A. In-đô-nê-xi-a.

B. Mi-an-ma.

C. Thái Lan.

D. Ma-lai-xi-a.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

(Đơn vị: Tỉ đô la Mỹ)

Quốc gia	2010	2020
Xuất khẩu	1 244,9	1 676,3
Nhập khẩu	1 114,4	1 526,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á năm 2010 và 2020.

Câu 2:(1,0 điểm) Tại sao sự ra đời của đồng tiền chung Ô-rô là bước tiến mới của sự liên kết EU?

-----HẾT-----

Ngày kiểm tra: 30 / 12/ 2023

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)
(Đề kiểm tra có 03 trang)

Mã đề 118

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Phát biểu nào sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Tổng sản phẩm trong EU (GDP) lớn hơn Hoa Kỳ.
- B. Là tổ chức khu vực kinh tế dùng đồng tiền chung.
- C. Quy mô dân số lớn nhất so với các tổ chức khu vực.
- D. Số nước thành viên ít nhất so với các tổ chức khu vực.

Câu 2. Cây trồng nào là cây trồng truyền thống quan trọng bậc nhất, được trồng ở hầu khắp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

- A. lúa gạo.
- B. lúa mì.
- C. ngô.
- D. lúa mạch.

Câu 3. Các nước phát triển thường có

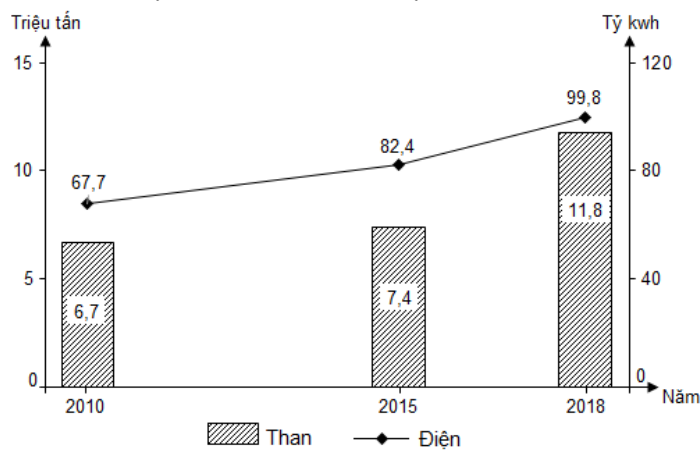
- A. tỉ lệ dân thành thị thấp.
- B. tỉ lệ sinh cao.
- C. GNI/người thấp.
- D. chỉ số HDI cao.

Câu 4. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a.
- B. giáp với Đại Tây Dương.
- C. phía đông nam châu Á.
- D. phía bắc nước Nhật Bản.

Câu 5. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LI-PIN



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Phi-li-pin giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Cả than và điện đều tăng.
- B. Sản lượng điện giảm nhanh.
- C. Sản lượng than giảm nhanh.
- D. Cả than và điện đều giảm.

Câu 6. Dân số đông giúp Đông Nam Á có thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.
- B. Dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
- C. Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
- D. Phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.

Câu 7. Đồng tiền chung được Liên minh châu Âu đưa vào sử dụng là

- A. Bảng.
- B. Rúp.
- C. Đôla.
- D. Ô-rô.

Câu 8. EU đã làm gì để đảm bảo tự do lưu thông giữa các nước thành viên?

- A. Tăng cường liên kết với nước ngoài.
- B. Thiết lập một thị trường chung.
- C. Tuân thủ đầy đủ quy định của WTO.
- D. Trợ giá cho các mặt hàng nông sản.

Câu 9. Thị trường chung châu Âu đảm bảo quyền tự do lưu thông cho các nước thành viên về

- A. hàng hóa, con người, tiền vốn, dịch vụ.
- B. con người, hàng không, y tế, văn hóa.
- C. dịch vụ, du lịch, con người, giáo dục.
- D. tiền vốn, dịch vụ, văn hóa, quân sự.

Câu 10. Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?

- A. 1967.
- B. 1993.
- C. 1957.
- D. 1981.

Câu 11. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

- A. chủ yếu là đồi núi, nhiều núi lửa đang hoạt động.
- B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
- C. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.
- D. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

Câu 12. Khí hậu của khu vực Đông Nam Á tạo điều kiện thuận lợi cho

- A. đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản.
- B. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- C. trồng cây lương thực ôn đới.
- D. trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.

Câu 13. Một trong những lợi thế của hầu hết các nước Đông Nam Á là

- A. phát triển kinh tế biển.
- B. phát triển chăn nuôi.
- C. phát triển lâm nghiệp.
- D. phát triển thủy điện.

Câu 14. Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.
- B. Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.
- C. Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.
- D. EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	In-đô-nê-xi-a	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh (%)	14	16	17	10
Tỉ lệ tử (%)	5	10	10	8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất vào năm 2022?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Mi-an-ma.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. Thái Lan.

Câu 16. Ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Á phát triển trên lợi thế nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn?

- A. Khai khoáng.
- B. Hóa chất.
- C. Cơ khí.
- D. Dệt - may.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây thể hiện rõ nhất sự phát triển kinh tế không đều của các nước ASEAN?

- A. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia chưa hợp lí.
- B. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.
- C. Quá trình và trình độ đô thị hóa các quốc gia khác nhau.
- D. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.

Câu 18. Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU VÀ THẾ GIỚI NĂM 2021
(Tỉ đô la Mỹ)

Chỉ số	EU	Thế giới
Giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8 651,9	27 876,8

Theo bảng số liệu, tỉ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU so với thế giới năm 2021 là

- A. 31,0%.
- B. 50,7.
- C. 25,0%.
- D. 17,0%.

Câu 19. Việt Nam gia nhập WTO vào năm nào sau đây?

- A. 2007
- B. 2005.
- C. 2008.
- D. 2006.

Câu 20. Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có

- A. lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
- B. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau.
- C. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội.
- D. sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.

Câu 21. Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2021) là

A. 28.

B. 26.

C. 27.

D. 25.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây thể hiện thành tựu của ASEAN về mặt chính trị?

- A. Nhiều đô thị của một số nước đã đạt trình độ các nước tiên tiến.
- B. Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.
- C. Đời sống nhân dân được cải thiện, giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ.
- D. Hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển mạnh theo hướng hiện đại hóa.

Câu 23. Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với

- A. Hoa Kỳ.
- B. Ca-na-đa.
- C. quần đảo Ăng-ti nhỏ.
- D. quần đảo Ăng-ti lớn.

Câu 24. Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

- A. Nghị viện Châu Âu.
- B. Hội đồng Châu Âu.
- C. Cơ quan kiểm toán
- D. Tòa án Châu Âu.

Câu 25. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2015
(Đơn vị: %)

Nước	Việt Nam	Thái Lan
Nông - lâm - ngư nghiệp	27	9,0
Công nghiệp - xây dựng	33,3	35,8
Dịch vụ	39,7	55,2

(Nguồn: Niên giám thống kê thế giới năm 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Cột.

Câu 26. Khu vực Đông Nam Á có

- A. dân số đông.
- B. cơ cấu dân số già.
- C. ít dân tộc.
- D. mật độ dân số thấp.

Câu 27. Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu (EU) **không** bao gồm tự do

- A. chọn nơi làm việc.
- B. đi lại.
- C. cư trú.
- D. thông tin liên lạc.

Câu 28. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. sóng thần.
- B. động đất.
- C. bão.
- D. núi lửa.

II. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu 1: (2,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA EU
(Đơn vị: Tỉ USD)

Quốc gia	2010	2021
Xuất khẩu	5865	8670,6
Nhập khẩu	5633	8016,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

a. Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

b. Nhận xét giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021.

Câu 2: (1,0 điểm) Vì sao khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh ngành thủy sản?

-----HẾT-----

ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ LỚP: 11

(Bản Hướng dẫn gồm 02 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phần TNKQ: 01 câu đúng được 0,25đ; Điểm toàn phần 7,0đ.

2. Phần tự luận: GV cần linh hoạt trong khi chấm, khuyến khích những HS làm bài sáng tạo, điểm thành phần thấp nhất là 0,25đ. Điểm toàn phần 3,0đ.

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu	111	112	113	114	115	116	117	118
1	C	C	C	A	C	D	C	B
2	C	C	A	C	B	A	D	A
3	D	C	B	B	D	C	B	D
4	B	D	A	D	A	C	B	C
5	B	C	B	A	C	B	A	A
6	D	B	B	B	C	B	A	C
7	B	D	D	C	B	C	B	D
8	A	A	C	A	D	C	D	B
9	B	C	D	B	C	B	B	A
10	A	D	B	C	A	A	C	A
11	D	B	B	D	A	A	D	A
12	D	B	B	C	C	C	C	B
13	C	A	B	D	D	A	A	A
14	D	C	C	D	A	D	B	D
15	B	B	D	C	A	D	D	D
16	A	B	B	A	C	A	A	D
17	A	A	B	C	A	D	C	D
18	C	B	A	D	D	A	B	A
19	A	A	B	A	C	C	A	A
20	B	D	D	A	D	A	C	C
21	A	D	C	B	C	D	A	C
22	A	C	C	C	C	B	C	B
23	C	D	A	C	B	A	C	A
24	C	D	D	B	D	C	A	B
25	D	D	D	A	B	D	A	B
26	A	B	A	B	A	C	D	A
27	C	B	C	C	B	A	D	D
28	C	C	D	C	C	B	C	C

III. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Mã đề 111,113,115,117

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	a. Vẽ biểu đồ HS vẽ được biểu đồ CỘT GHÉP chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. <i>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</i>	1, 5
	b. Nhận xét - Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng (Dẫn chứng) - Năm 2010 và 2020, Đông Nam Á xuất siêu (Dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	* Sự ra đời của đồng tiền chung O-rô là bước tiến mới của sự liên kết EU vì việc ra đời của đồng tiền chung đã làm: - Nâng cao sức mạnh của thị trường chung châu Âu. - Xóa bỏ những rủi ro chuyển đổi tiền tệ. - Tạo thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh - Đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia. <i>(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm) Điểm tối đa 1,0 điểm.</i>	0,25 0,25 0,25 0,25

Mã đề 112,114,116,118

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0 điểm)	a. Vẽ biểu đồ HS vẽ được biểu đồ CỘT GHÉP chính xác, khoa học và thẩm mỹ. Thiếu mỗi yếu tố trên biểu đồ GV linh hoạt trừ 0,25 điểm. <i>(Lưu ý: HS vẽ các dạng biểu đồ khác không cho điểm)</i>	1, 5
	- Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng (Dẫn chứng) - Năm 2010 và 2021, EU xuất siêu (Dẫn chứng)	0,25 0,25
2 (1,0 điểm)	Khu vực Đông Nam Á phát triển mạnh ngành thủy sản là vì: * Khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thủy sản: - Điều kiện tự nhiên: + Đường bờ biển dài, vùng biển rộng, nhiều tài nguyên thủy sản để phát triển ngành đánh bắt. + Nhiều sông suối, ao hồ, vũng vịnh thuận lợi phát triển nuôi trồng thủy sản. - Điều kiện KT - XH: + Thị trường mở rộng, ngành TS được đầu tư vốn, công nghệ. + Lao động dồi dào, có kinh nghiệm. <i>(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm) Điểm tối đa 1,0 điểm.</i>	0,25 0,25 0,25 0,25

-----HẾT-----

Mã đề 121

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
- B. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- C. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- D. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 2. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
- B. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- C. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
- D. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

Câu 3. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- B. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
- C. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
- D. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 4. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- B. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.
- C. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- D. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.

Câu 5. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- B. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.
- C. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.
- D. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 6. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
- B. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành
- C. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng
- D. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng

Câu 7. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Đất feralit và đất feralit có mùn.
- B. Feralit có mùn và đất mùn.
- C. Đất mùn và đất mùn thô.
- D. Đất phù sa và feralit.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền

khí hậu phía Bắc?

- A. Tây Nguyên. B. Đông Bắc Bộ. C. Nam Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 9. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.
B. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.
C. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.
D. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.

Câu 10. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Phia Ya. C. Pu Tha Ca. D. Tây Côn Lĩnh.

Câu 11. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh, tuyết rơi. B. thời tiết lạnh, khô.
C. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn. D. thời tiết khô, có tuyết rơi.

Câu 12. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. đất đai B. sinh vật C. khí hậu D. địa hình

Câu 13. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
B. Nằm gần xích đạo.
C. Chủ yếu có địa hình thấp.
D. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.

Câu 14. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Cả.
C. Đồng bằng sông Mã. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 15. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

- A. hướng núi vòng cung. B. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.
C. núi thấp chiếm ưu thế. D. núi cao chiếm ưu thế.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng VII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng VIII.

Câu 17. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam C. Tây Bắc D. Tây Nam.

Câu 18. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. đồng bằng mở rộng hơn.
B. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.
C. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.
D. tính chất nhiệt đới giảm dần.

Câu 19. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cà đở ra biển ở cửa nào sau đây?

- A. Lạch Trường. B. Nhật Lệ. C. Hội. D. Gianh.

Câu 20. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.
- B. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.
- C. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.
- D. các dãy núi có hướng vòng cung.

Câu 21. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. mưa phùn.
- B. sương muối.
- C. gió lạnh.
- D. tuyết rơi.

Câu 22. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
- B. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.
- C. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.
- D. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.

Câu 23. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. gió Tây khô nóng.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. tín phong bán cầu Nam.
- D. tín phong bán cầu Bắc.

Câu 24. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

- A. Tây Nguyên.
- B. Cực Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Vùng ven biển miền Trung.

Câu 25. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. độ cao cùng với hướng các dãy núi.
- B. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
- C. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.
- D. biển cùng với hướng các dãy núi.

Câu 26. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ
- B. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
- C. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ
- D. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

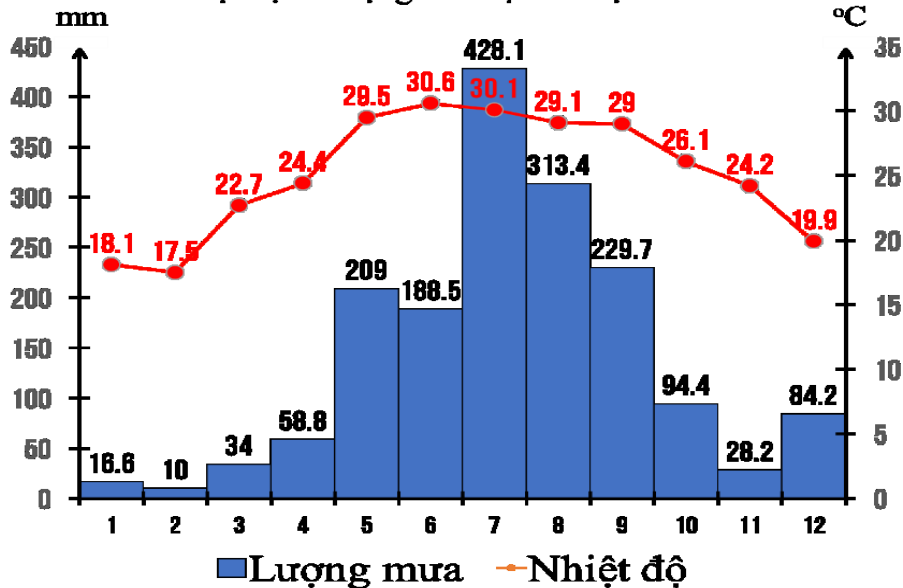
- A. Tháng 8.
- B. Tháng 9.
- C. Tháng 6.
- D. Tháng 7.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao nguyên Lâm Viên.
- B. Cao nguyên Kon Tum.
- C. Cao nguyên Đăk Lăk.
- D. Cao nguyên Pleiku.

Câu 29. Cho biểu đồ

Nhiệt độ và lượng mưa tại Hà Nội năm 2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- B. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
- C. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- D. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.

Câu 30. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây Bắc Bộ.
- C. Đông Bắc Bộ.
- D. Tây Nguyên.

----- HẾT -----

Mã đề 122

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

- A. Lạch Trường. B. Gianh. C. Hội. D. Nhật Lệ.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng IX. B. Tháng X. C. Tháng VIII. D. Tháng VII.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Trung Bộ. B. Đông Bắc Bộ. C. Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 4. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
B. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ
C. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ
D. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ

Câu 5. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
C. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 6. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.
B. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
C. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.
D. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.

Câu 7. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

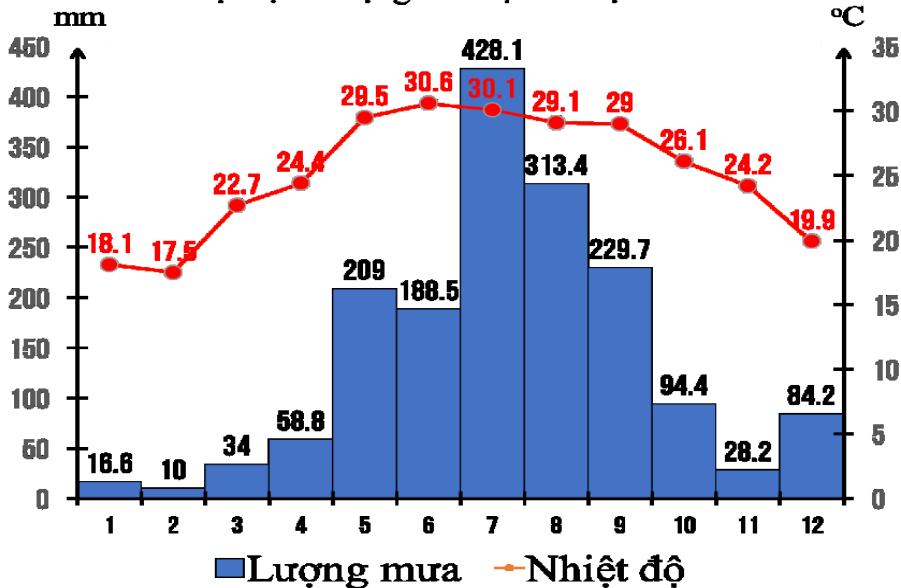
- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Vùng ven biển miền Trung. D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 8. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.
B. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
C. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.
D. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.

Câu 9. Cho biểu đồ

Nhiệt độ và lượng mưa tại Hà Nội năm 2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
- B. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- C. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.
- D. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Câu 10. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. địa hình
- B. đất đai
- C. sinh vật
- D. khí hậu

Câu 11. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. tín phong bán cầu Nam.
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió Tây khô nóng.

Câu 12. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
- C. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- D. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

Câu 13. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Mã.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Cà.

Câu 14. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
- B. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.
- C. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
- D. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.

Câu 15. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.
- B. các dãy núi có hướng vòng cung.
- C. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.

D. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.

Câu 16. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.
- B. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
- C. biển cùng với hướng các dãy núi.
- D. độ cao cùng với hướng các dãy núi.

Câu 17. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Nằm gần xích đạo.
- B. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
- C. Chủ yếu có địa hình thấp.
- D. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 18. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. sương muối.
- B. gió lạnh.
- C. tuyết rơi.
- D. mưa phùn.

Câu 19. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh, tuyết rơi.
- B. thời tiết lạnh, khô.
- C. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.
- D. thời tiết khô, có tuyết rơi.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 8.
- B. Tháng 7.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 6.

Câu 21. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

- A. núi thấp chiếm ưu thế.
- B. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.
- C. hướng núi vòng cung.
- D. núi cao chiếm ưu thế.

Câu 22. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- B. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- C. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
- D. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 23. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
- B. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- C. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.
- D. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.

Câu 24. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành
- B. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
- C. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng
- D. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng

Câu 25. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao Nguyên Pleiku.
- B. Cao nguyên Kon Tum.
- C. Cao nguyên Lâm Viên.
- D. Cao Nguyên Đăk Lăk.

Câu 26. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Tây Bắc Bộ.
- D. Đông Bắc Bộ.

Câu 27. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

A. Đất feralit và đất feralit có mùn.

B. Feralit có mùn và đất mùn.

C. Đất mùn và đất mùn thô.

D. Đất phù sa và feralit.

Câu 28. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

A. Tây Bắc

B. Tây Nam.

C. Đông Nam

D. Đông Bắc.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Pu Tha Ca.

B. Kiều Liêu Ti.

C. Tây Côn Lĩnh.

D. Phia Ya.

Câu 30. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

A. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.

B. đồng bằng mở rộng hơn.

C. tính chất nhiệt đới giảm dần.

D. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.

----- HẾT -----

Mã đề 123

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ
- B. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ
- C. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
- D. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ

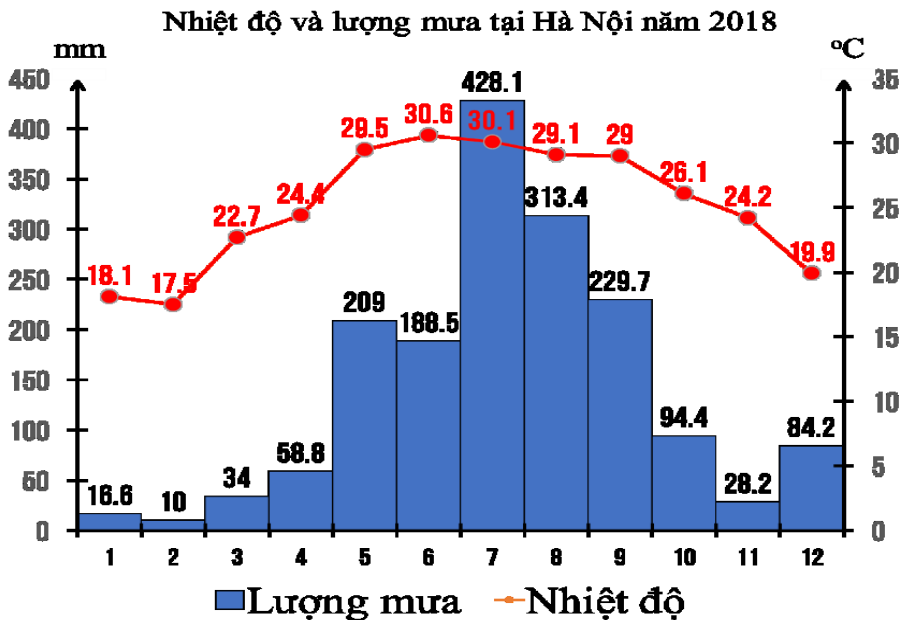
Câu 2. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.
- B. thời tiết khô, có tuyết rơi.
- C. thời tiết lạnh, tuyết rơi.
- D. thời tiết lạnh, khô.

Câu 3. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- B. Nằm gần xích đạo.
- C. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
- D. Chủ yếu có địa hình thấp.

Câu 4. Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
- B. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- C. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.
- D. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Câu 5. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
- B. biển cùng với hướng các dãy núi.
- C. độ cao cùng với hướng các dãy núi.
- D. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.

Câu 6. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. khí hậu
- B. địa hình
- C. đất đai
- D. sinh vật

Câu 7. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh.
- B. Pu Tha Ca.
- C. Kiêu Liêu Ti.
- D. Phia Ya.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao nguyên Lâm Viên.
- B. Cao nguyên Kon Tum.
- C. Cao nguyên Đăk Lăk.
- D. Cao nguyên Pleiku.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Bộ.
- B. Nam Trung Bộ.
- C. Đông Bắc Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 10. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

- A. Lạch Trường.
- B. Gianh.
- C. Nhật Lệ.
- D. Hội.

Câu 11. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.
- B. các dãy núi có hướng vòng cung.
- C. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.
- D. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 9.
- B. Tháng 7.
- C. Tháng 8.
- D. Tháng 6.

Câu 13. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.
- B. đồng bằng mở rộng hơn.
- C. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.
- D. tính chất nhiệt đới giảm dần.

Câu 14. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Tây Nam.
- B. Tây Bắc
- C. Đông Bắc.
- D. Đông Nam

Câu 15. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- B. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.
- C. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- D. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.

Câu 16. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

- A. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.
 - B. núi cao chiếm ưu thế.
 - C. hướng núi vòng cung.
 - D. núi thấp chiếm ưu thế.
-

Câu 17. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
- B. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- C. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
- D. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 18. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
- C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

Câu 19. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
- B. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.
- C. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
- D. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.

Câu 20. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Đất feralit và đất feralit có mùn.
- B. Feralit có mùn và đất mùn.
- C. Đất phù sa và feralit.
- D. Đất mùn và đất mùn thô.

Câu 21. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Mã.
- B. Đồng bằng sông Cả.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 22. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

- A. Tây Nguyên.
- B. Cực Nam Trung Bộ.
- C. Vùng ven biển miền Trung.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 23. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
- B. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng
- C. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành
- D. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng

Câu 24. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. sương muối.
- B. tuyết rơi.
- C. gió lạnh.
- D. mưa phùn.

Câu 25. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
 - B. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
 - C. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
 - D. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
-

Câu 26. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Đông Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Tây Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 27. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
B. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.
C. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.
D. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.

Câu 28. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. tín phong bán cầu Bắc. B. gió Tây khô nóng.
C. gió mùa Tây Nam. D. tín phong bán cầu Nam.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng VIII. B. Tháng X. C. Tháng VII. D. Tháng IX.

Câu 30. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.
B. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.
C. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
D. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.

----- HẾT -----

Mã đề 124

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

- A. Đông Nam Bộ. B. Cực Nam Trung Bộ.
C. Vùng ven biển miền Trung. D. Tây Nguyên.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng X. B. Tháng VIII. C. Tháng IX. D. Tháng VII.

Câu 3. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.
B. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.
C. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
D. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.

Câu 4. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
B. độ cao cùng với hướng các dãy núi.
C. biển cùng với hướng các dãy núi.
D. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.

Câu 5. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng
B. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng
C. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
D. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên. C. Đông Bắc Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 7. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
B. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.
C. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
D. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.

Câu 8. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Tây Bắc Bộ. C. Đông Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 9. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. tính chất nhiệt đới giảm dần.
B. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.
C. đồng bằng mở rộng hơn.
D. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.

Câu 10. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
B. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
D. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.

Câu 11. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.
B. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.
C. các dãy núi có hướng vòng cung.
D. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.

Câu 12. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
B. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
C. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
D. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

Câu 13. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Đất feralit và đất feralit có mùn. B. Feralit có mùn và đất mùn.
C. Đất mùn và đất mùn thô. D. Đất phù sa và feralit.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 7. B. Tháng 8. C. Tháng 9. D. Tháng 6.

Câu 15. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

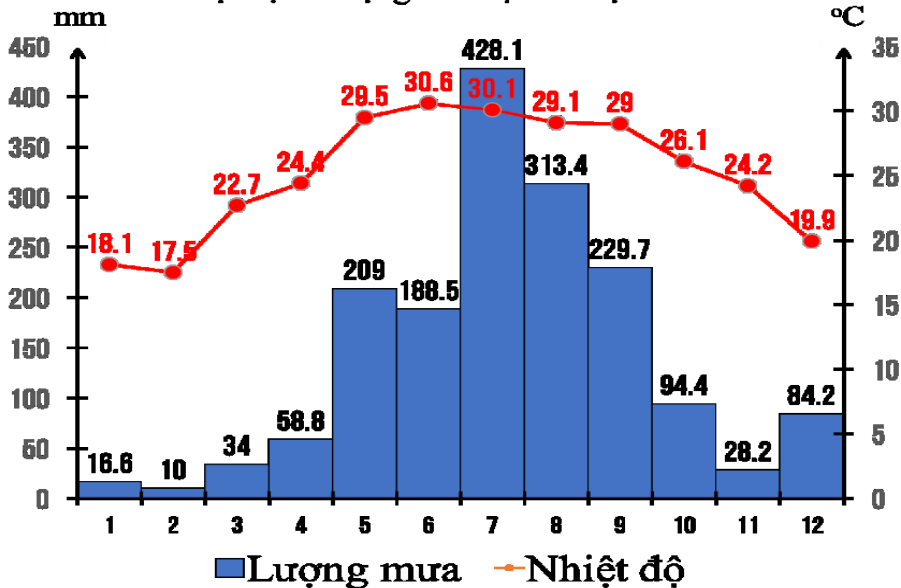
- A. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
B. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
C. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
D. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 16. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. gió Tây khô nóng. B. tín phong bán cầu Nam.
C. gió mùa Tây Nam. D. tín phong bán cầu Bắc.

Câu 17. Cho biểu đồ

Nhiệt độ và lượng mưa tại Hà Nội năm 2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- B. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
- C. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.
- D. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Câu 18. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- B. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- C. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.
- D. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao Nguyên Pleiku.
- B. Cao nguyên Lâm Viên.
- C. Cao nguyên Kon Tum.
- D. Cao Nguyên Đắk Lắk.

Câu 20. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
- B. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- C. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.
- D. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.

Câu 21. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh, tuyết rơi.
- B. thời tiết khô, có tuyết rơi.
- C. thời tiết lạnh, khô.
- D. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.

Câu 22. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ
- B. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ
- C. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
- D. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ

Câu 23. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

A. Đồng bằng sông Mã.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Cả.

Câu 24. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

A. sinh vật

B. địa hình

C. khí hậu

D. đất đai

Câu 25. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

A. Tây Bắc

B. Tây Nam.

C. Đông Bắc.

D. Đông Nam

Câu 26. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

A. Chủ yếu có địa hình thấp.

B. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

C. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.

D. Nằm gần xích đạo.

Câu 27. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

A. Gianh.

B. Nhật Lệ.

C. Hội.

D. Lạch Trường.

Câu 28. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

A. mưa phùn.

B. sương muối.

C. gió lạnh.

D. tuyết rơi.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Phia Ya.

B. Tây Côn Lĩnh.

C. Kiều Liêu Ti.

D. Pu Tha Ca.

Câu 30. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

A. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.

B. núi cao chiếm ưu thế.

C. hướng núi vòng cung.

D. núi thấp chiếm ưu thế.

----- HẾT -----

Mã đề 125

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. sinh vật B. địa hình C. khí hậu D. đất đai

Câu 2. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
B. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng
C. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành
D. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng

Câu 3. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
B. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
C. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.
D. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.

Câu 4. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. sương muối. B. mưa phùn. C. gió lạnh. D. tuyết rơi.

Câu 5. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Cả.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Mã.

Câu 6. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
B. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
C. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 7. Phân lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
B. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
C. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
D. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 8. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- B. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.
- C. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
- D. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.

Câu 9. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.
- B. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.
- C. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
- D. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.

Câu 10. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. tính chất nhiệt đới giảm dần.
- B. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.
- C. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.
- D. đồng bằng mở rộng hơn.

Câu 11. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Đất phù sa và feralit.
- B. Đất feralit và đất feralit có mùn.
- C. Đất mùn và đất mùn thô.
- D. Feralit có mùn và đất mùn.

Câu 12. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Đông Bắc Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Tây Bắc Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 13. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Tây Bắc
- B. Tây Nam.
- C. Đông Nam
- D. Đông Bắc.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng X.
- B. Tháng VII.
- C. Tháng VIII.
- D. Tháng IX.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao Nguyên Đăk Lăk.
- B. Cao Nguyên Pleiku.
- C. Cao nguyên Kon Tum.
- D. Cao nguyên Lâm Viên.

Câu 16. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Kiều Liêu Ti.
- B. Phia Ya.
- C. Tây Côn Lĩnh.
- D. Pu Tha Ca.

Câu 17. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

- A. Vùng ven biển miền Trung.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Cực Nam Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 18. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

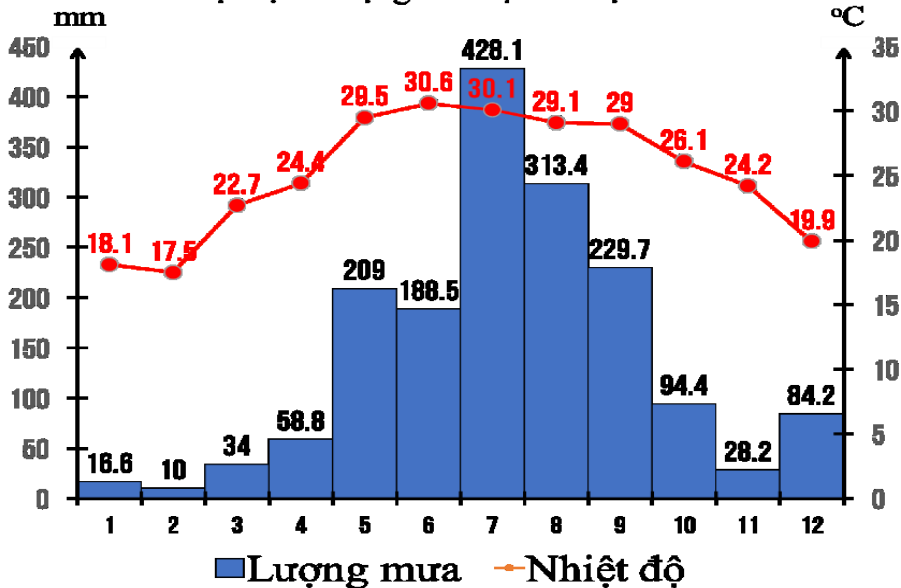
- A. Nhật Lệ.
- B. Gianh.
- C. Lạch Trường.
- D. Hội.

Câu 19. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. gió Tây khô nóng.
- B. tín phong bán cầu Nam.
- C. tín phong bán cầu Bắc.
- D. gió mùa Tây Nam.

Câu 20. Cho biểu đồ

Nhiệt độ và lượng mưa tại Hà Nội năm 2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
- B. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- C. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- D. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.

Câu 21. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 7.
- B. Tháng 9.
- C. Tháng 6.
- D. Tháng 8.

Câu 22. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- B. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- C. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.
- D. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.

Câu 23. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.
- B. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.
- C. các dãy núi có hướng vòng cung.
- D. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Đông Bắc Bộ.
- C. Nam Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 25. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- C. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
- D. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 26. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh, khô.
- B. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.
- C. thời tiết lạnh, tuyết rơi.
- D. thời tiết khô, có tuyết rơi.

Câu 27. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Chủ yếu có địa hình thấp.
- B. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
- C. Nằm gần xích đạo.
- D. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 28. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ
- C. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ
- D. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ

Câu 29. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.
- B. độ cao cùng với hướng các dãy núi.
- C. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
- D. biển cùng với hướng các dãy núi.

Câu 30. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

- A. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.
- B. núi cao chiếm ưu thế.
- C. núi thấp chiếm ưu thế.
- D. hướng núi vòng cung.

----- HẾT -----

Mã đề 126

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

- A. Gianh. B. Nhật Lệ. C. Hội. D. Lạch Trường.

Câu 2. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.
B. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.
C. các dãy núi có hướng vòng cung.
D. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao nguyên Kon Tum. B. Cao Nguyên Đăk Lăk.
C. Cao Nguyên Pleiku. D. Cao nguyên Lâm Viên.

Câu 4. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. địa hình B. khí hậu C. đất đai D. sinh vật

Câu 5. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
B. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
C. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
D. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 6. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. gió lạnh. B. sương muối. C. mưa phùn. D. tuyết rơi.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Tây Nguyên. B. Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 8. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. tính chất nhiệt đới giảm dần.
B. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.
C. đồng bằng mở rộng hơn.
D. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.

Câu 9. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ
B. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
C. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ
D. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ

Câu 10. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Feralit có mùn và đất mùn.
- B. Đất mùn và đất mùn thô.
- C. Đất feralit và đất feralit có mùn.
- D. Đất phù sa và feralit.

Câu 11. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Chủ yếu có địa hình thấp.
- B. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- C. Nằm gần xích đạo.
- D. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 6.
- B. Tháng 8.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 7.

Câu 13. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.
- B. biển cùng với hướng các dãy núi.
- C. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
- D. độ cao cùng với hướng các dãy núi.

Câu 14. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.
- B. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- C. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
- D. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.

Câu 15. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

- A. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.
- B. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
- C. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.
- D. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.

Câu 16. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.
- B. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- C. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- D. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.

Câu 17. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh, khô.
- B. thời tiết khô, có tuyết rơi.
- C. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.
- D. thời tiết lạnh, tuyết rơi.

Câu 18. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

- A. núi thấp chiếm ưu thế.
 - B. hướng núi vòng cung.
 - C. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.
 - D. núi cao chiếm ưu thế.
-

Câu 19. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Vùng ven biển miền Trung. D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 20. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Tây Bắc Bộ. B. Đông Bắc Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

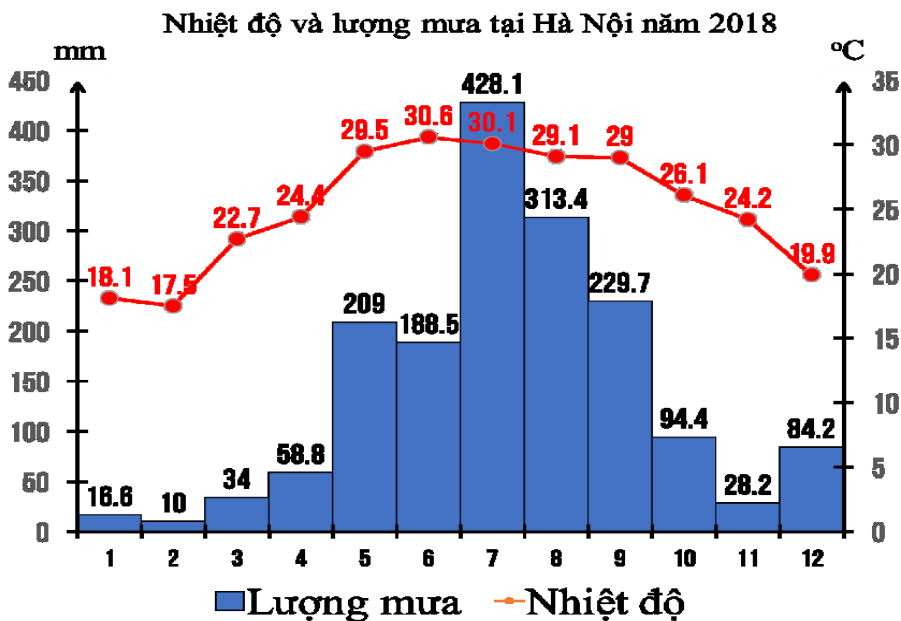
Câu 21. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. gió mùa Tây Nam. B. tín phong bán cầu Nam.
C. tín phong bán cầu Bắc. D. gió Tây khô nóng.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng VIII. B. Tháng VII. C. Tháng IX. D. Tháng X.

Câu 23. Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
B. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
C. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
D. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.

Câu 24. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cả. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Mã. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 25. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng
B. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành
C. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng
D. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng

Câu 26. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
- B. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
- C. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.
- D. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.

Câu 27. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- B. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- C. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
- D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Phia Ya.
- B. Tây Côn Lĩnh.
- C. Pu Tha Ca.
- D. Kiều Liêu Ti.

Câu 29. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
- B. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- C. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- D. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 30. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Tây Bắc
- B. Tây Nam.
- C. Đông Nam
- D. Đông Bắc.

----- HẾT -----

Mã đề 127

Họ và tên: Lớp:..... SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1. Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

- A. Vùng ven biển miền Trung. B. Cực Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 2. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.
B. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.
C. tính chất nhiệt đới giảm dần.
D. đồng bằng mở rộng hơn.

Câu 3. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. gió lạnh. B. tuyết rơi. C. sương muối. D. mưa phùn.

Câu 4. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
B. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
D. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.

Câu 5. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Đông Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. Tây Bắc Bộ.

Câu 6. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Tây Nam. B. Đông Bắc. C. Đông Nam D. Tây Bắc

Câu 7. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
B. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
C. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
D. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 8. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Chủ yếu có địa hình thấp.
B. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
C. Nằm gần xích đạo.
D. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 9. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

- A. Gianh. B. Nhật Lệ. C. Hội. D. Lạch Trường.

Câu 10. Vào nửa đầu mùa đông, khối khí lạnh di chuyển qua lục địa Trung Hoa mang lại cho miền Bắc nước ta kiểu thời tiết

- A. thời tiết lạnh, tuyết rơi. B. thời tiết khô, có tuyết rơi.
C. thời tiết lạnh, khô. D. thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.

Câu 11. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. biển cùng với hướng các dãy núi.
B. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
C. độ cao cùng với hướng các dãy núi.
D. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.

Câu 12. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

- A. Tháng VII. B. Tháng X. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.

Câu 13. Một trong những đặc điểm cơ bản của địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. có các dãy núi xen kẽ với cao nguyên.
B. có các sơn nguyên bóc mòn và cao nguyên badan.
C. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.
D. các dãy núi có hướng vòng cung.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phia Ya. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

Câu 15. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. địa hình B. đất đai C. sinh vật D. khí hậu

Câu 16. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
B. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
C. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.
D. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.

Câu 17. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

- A. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ
B. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ
C. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.
D. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ

Câu 18. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

- A. tín phong bán cầu Bắc. B. gió Tây khô nóng.
-

C. gió mùa Tây Nam.

D. tín phong bán cầu Nam.

Câu 19. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- B. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- C. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C , miền Nam trên 25°C .
- D. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.

Câu 20. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng
- B. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
- C. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng
- D. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành

Câu 21. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.
- B. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
- C. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
- D. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Cao nguyên Kon Tum.
- B. Cao Nguyên Pleiku.
- C. Cao nguyên Lâm Viên.
- D. Cao Nguyên Đắc Lắc.

Câu 23. Tại sao miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ lại có đai ôn đới gió mùa trên núi?

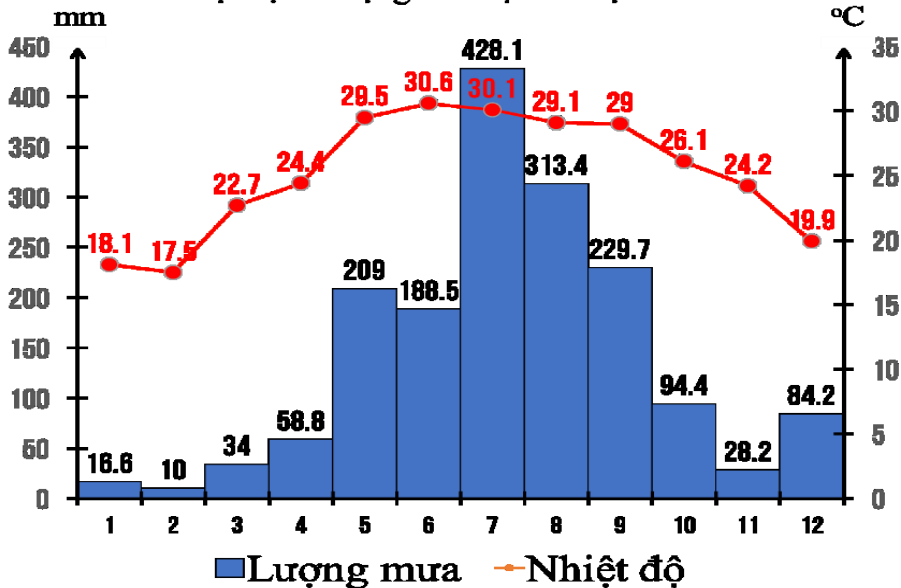
- A. Vì có địa hình núi cao trên 2600m.
- B. Vì núi có hướng tây bắc – đông nam.
- C. Vì tiếp giáp với Trung Quốc.
- D. Vì ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.

Câu 24. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

- A. Đất mùn và đất mùn thô.
- B. Đất phù sa và feralit.
- C. Đất feralit và đất feralit có mùn.
- D. Feralit có mùn và đất mùn.

Câu 25. Cho biểu đồ

Nhiệt độ và lượng mưa tại Hà Nội năm 2018



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- B. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.
- C. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.
- D. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Câu 26. Địa hình vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc có đặc điểm giống nhau là

- A. núi cao chiếm ưu thế.
- B. núi thấp chiếm ưu thế.
- C. hướng nghiêng tây bắc – đông nam.
- D. hướng núi vòng cung.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Bộ.
- B. Đông Bắc Bộ.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên.

Câu 28. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. sông có lưu lượng nước lớn, hàm lượng phù sa cao.
- C. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- D. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 9.
- B. Tháng 7.
- C. Tháng 8.
- D. Tháng 6.

Câu 30. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cả.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Mã.

----- HẾT -----

C. các dãy núi có hướng vòng cung.

D. các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.

Câu 11. Tính chất của gió mùa Tây Nam vào đầu mùa hạ thể hiện

A. gây mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên, khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ

B. gây mưa mùa hạ cho 2 miền Nam Bắc, mưa tháng IX ở Trung Bộ

C. gây mưa cho cả nước, mưa lớn ở đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

D. gây mưa mùa hạ cho Nam Bộ, mưa tháng IX ở Trung Bộ

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

A. Tháng 8.

B. Tháng 7.

C. Tháng 9.

D. Tháng 6.

Câu 13. Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

A. gió mùa Tây Nam.

B. gió Tây khô nóng.

C. tín phong bán cầu Bắc.

D. tín phong bán cầu Nam.

Câu 14. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

A. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.

B. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.

C. đồng bằng mở rộng hơn.

D. tính chất nhiệt đới giảm dần.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang các miền tự nhiên, hãy cho biết Biển Hồ nằm trên cao nguyên nào sau đây?

A. Cao nguyên Pleiku.

B. Cao nguyên Kon Tum.

C. Cao nguyên Lâm Viên.

D. Cao nguyên Đăk Lăk.

Câu 16. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Tây Nguyên.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Bắc Bộ.

D. Đông Bắc Bộ.

Câu 17. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết tháng nào có tần suất 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng?

A. Tháng VII.

B. Tháng VIII.

C. Tháng X.

D. Tháng IX.

Câu 18. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Sông ngòi, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

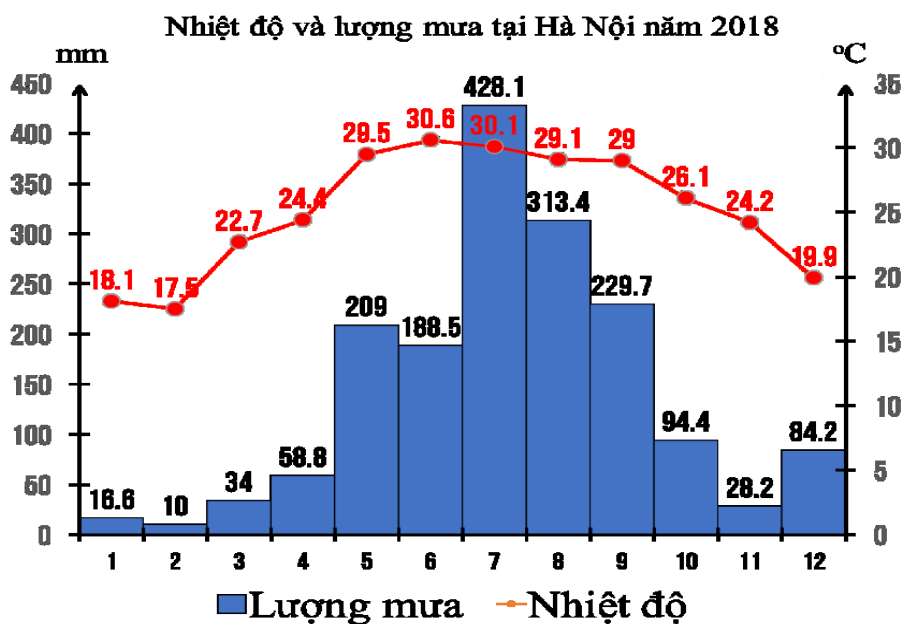
A. Hội.

B. Lạch Trường.

C. Nhật Lệ.

D. Gianh.

Câu 19. Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **đúng** về khí hậu của Hà Nội?

- A. Mùa mưa của Hà Nội bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- B. Tháng 7 có lượng mưa và nhiệt độ lớn nhất trong năm.
- C. Tính mùa của khí hậu thể hiện rất rõ qua chế độ nhiệt, ẩm.
- D. Nhiệt độ của Hà Nội ít có sự chênh lệch qua các tháng.

Câu 20. Đặc điểm đồng bằng ven biển Miền Trung là

- A. hẹp ngang, kéo dài từ Bắc xuống Nam, đất nghèo dinh dưỡng
- B. diện tích khá lớn, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành
- C. hẹp ngang và bị chia cắt, biển đóng vai trò chính trong việc hình thành, đất nghèo dinh dưỡng
- D. hẹp ngang và bị chia cắt, đất giàu dinh dưỡng

Câu 21. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến Bắc Bộ có hướng nào sau đây?

- A. Đông Bắc.
- B. Đông Nam
- C. Tây Nam.
- D. Tây Bắc

Câu 22. Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cả.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Mã.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 23. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. sương muối.
- B. mưa phùn.
- C. tuyết rơi.
- D. gió lạnh.

Câu 24. Đây là một trong những điểm khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và khí hậu miền Nam:

- A. miền Bắc mưa nhiều vào mùa đông, miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.
- B. miền Nam có hai mùa mưa và khô, miền Bắc mưa quanh năm.
- C. biên độ nhiệt năm miền Bắc thấp hơn miền Nam.
- D. miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, miền Nam trên 25°C.

Câu 25. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.
- C. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 26. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

- A. trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- B. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.
- C. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.
- D. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 27. Cho bảng số liệu: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Hà Nội có lượng mưa và cân bằng ẩm thấp nhất.
- B. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất.
- C. Lượng mưa thay đổi từ Bắc và Nam.
- D. Lượng bốc hơi càng vào Nam càng tăng.

Câu 28. Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu là do tác động của

- A. biển cùng với hướng các dãy núi.
- B. độ cao cùng với hướng các dãy núi.
- C. Tín phong cùng với hướng các dãy núi.
- D. gió mùa cùng với hướng các dãy núi.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Nam Trung Bộ.
- D. Đông Bắc Bộ.

Câu 30. Phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) có đặc điểm khí hậu là

- A. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.
- B. cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.
- C. nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
- D. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh.

----- HẾT -----

ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP: 12
(Bản Hướng dẫn gồm 01 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Mỗi câu đúng được 0,33 điểm, điểm toàn bài là 10 điểm

II. ĐÁP ÁN:

Câu	Mã đề							
	121	122	123	124	125	126	127	128
1	D	C	D	D	C	C	D	B
2	B	A	D	C	A	C	B	A
3	B	B	B	D	A	C	D	D
4	D	D	B	D	B	B	C	B
5	D	D	D	C	A	D	B	D
6	A	C	A	C	D	C	C	B
7	B	B	A	C	D	D	A	D
8	B	A	D	D	C	D	C	A
9	A	B	C	B	B	D	C	B
10	D	D	D	C	B	A	C	C
11	B	C	B	C	D	C	D	A
12	C	B	C	A	B	B	C	A
13	B	C	A	B	C	A	D	C
14	A	C	D	B	D	C	A	B
15	B	B	D	B	B	C	D	A
16	B	A	A	D	C	A	B	B
17	B	A	A	A	D	A	B	D
18	B	D	C	C	D	C	A	A
19	C	B	A	A	C	B	C	C
20	D	A	B	A	B	C	B	C
21	A	B	D	C	D	C	C	B
22	A	C	A	A	C	C	B	B
23	D	A	A	C	C	A	A	B
24	A	B	D	C	B	B	D	D
25	C	A	B	D	D	D	A	D
26	C	A	B	D	A	A	C	D
27	A	B	B	C	C	B	B	A
28	D	C	A	A	B	B	B	D
29	A	C	D	B	A	D	C	D
30	A	D	C	A	A	C	C	C

----- Hết -----